

THÔNG BÁO HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

Trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn với các nội dung cụ thể như sau:

1. Thời gian: 08h00 thứ năm ngày 25 tháng 04 năm 2024

2. Địa điểm: 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

3. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Tất cả các Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (Mã chứng khoán BSG) theo danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng ngày 25/3/2024 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.

- Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình bản chính văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

4. Chương trình Đại hội: đính kèm Thông báo này.

5. Tài liệu Đại hội: Quý cổ đông vui lòng xem và tải tài liệu Đại hội trên website của Công ty theo địa chỉ <http://www.saigonbus.com.vn> hoặc quét mã QR



6. Đăng ký tham dự và góp ý nội dung Đại hội:

- Để thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi trực tiếp hoặc gửi bằng thư đảm bảo Hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên BKS (nếu có)¹ cho Ban tổ chức Đại hội tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (cụ

¹Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.

thể trước ngày 15/4/2024) (tính theo dấu bưu điện đối với hồ sơ gửi bằng thư đảm bảo) theo địa chỉ sau:

**Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn**

Địa chỉ: lầu 5, Phòng Tổ chức – Hành chính, tòa nhà SaigonBus số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38.546.110

- Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi trực tiếp hoặc gửi bằng thư đảm bảo các nội dung dưới đây cho Ban tổ chức Đại hội trước 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội (cụ thể là trước **16h00 ngày 22/4/2024**) (tính theo dấu bưu điện đối với hồ sơ gửi bằng thư đảm bảo) theo địa chỉ ở trên:

(i) Bản chính giấy xác nhận tham dự và/hoặc bản sao giấy ủy quyền tham dự Đại hội (cổ đông có thể tham khảo mẫu văn bản ủy quyền đính kèm Thông báo này).

(ii) Ý kiến đóng góp về các nội dung chương trình Đại hội (nếu có)².

7. Tham dự Đại hội

Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

(i) Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn;

(ii) Bản chính Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực (Trường hợp thay đổi thông tin, Quý cổ đông vui lòng liên hệ Ban tổ chức để được hỗ trợ);

(iii) Bản chính giấy ủy quyền tham dự Đại hội (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

Thông báo này thay cho Thư mời họp trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được Thư mời họp. Nếu có sự thay đổi về thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội, Ban tổ chức Đại hội sẽ có văn bản chính thức thông báo đến Quý cổ đông. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BTC ĐHĐCĐ;
- Lưu: VT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Mỹ Hạnh

Đính kèm:

- Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.
- Mẫu Thư xác nhận tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.
- Mẫu Giấy ủy quyền về việc tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

²Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XE KHÁCH SÀI GÒN**
SaigonBus

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN



Thời gian: 08 giờ 00 phút, Thứ năm, ngày 25 tháng 4 năm 2024

Địa điểm: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian	Stt	Nội dung	Người thực hiện
07h00 – 08h00	I.	Đón khách và kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông	
		Đón tiếp đại biểu và cổ đông.	Ban tổ chức
		Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu cho cổ đông.	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
08h00 – 08h15	II.	Khai mạc Đại hội	
	1.	Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.	Ban tổ chức
	2.	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
	3.	Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội.	Ban tổ chức
	4.	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch.	Ban tổ chức
	5.	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội.	Đoàn Chủ tịch
	6.	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban Kiểm phiếu, Ban Thư ký.	Đoàn Chủ tịch
08h15 – 09h30	III.	Trình bày các báo cáo và tờ trình tại Đại hội:	
	1.	HĐQT báo cáo các vấn đề trình ĐHCĐ biểu quyết và bầu cử: - Báo cáo của HĐQT kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.	Đoàn Chủ tịch

Thời gian	Stt	Nội dung	Người thực hiện
		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán. - Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023. - Mức cổ tức năm 2023. - Quỹ thù lao của HĐQT, BKS thực hiện năm 2023. - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. - Mức cổ tức dự kiến năm 2024. - Kế hoạch quỹ thù lao của HĐQT và BKS Công ty năm 2024. - Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ II (2021 – 2026). - Bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ II (2021 – 2026). 	
	2.	<p>BKS báo cáo các vấn đề trình ĐHĐCĐ biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024. - Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024. 	Trưởng BKS
	3.	Các vấn đề khác (nếu có)	Chủ tọa Đại hội
09h30 – 09h45		Đại hội thảo luận.	
09h45 – 10h15	IV.	Biểu quyết và bầu cử	
10h15 – 11h00		Đại hội giải lao. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu.	Ban Kiểm phiếu
11h00 – 11h15	V.	Công bố kết quả biểu quyết và bầu cử	Ban Kiểm phiếu
		Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	Ban Thư ký
		Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	
11h15		Bế mạc Đại hội	Ban tổ chức

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2024

QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (gọi tắt là Đại hội) năm 2024 của Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn, quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia, điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.
- Quy chế này không áp dụng đối với việc lấy ý kiến bằng hình thức văn bản.
- Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2: Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3: Cổ đông tham dự Đại hội

1. Nguyên tắc chung

- Để thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi trực tiếp hoặc gửi bằng thư đảm bảo Hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên BKS (nếu có) cho Ban tổ chức Đại hội tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (cụ thể trước ngày 15/4/2024) (tính theo dấu bưu điện đối với hồ sơ gửi bằng thư đảm bảo) theo địa chỉ sau:

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

Địa chỉ: lầu 5, Phòng Tổ chức – Hành chính, tòa nhà SaigonBus số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38.546.110

- Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi trực tiếp hoặc gửi bằng thư đảm bảo các nội dung dưới đây cho Ban tổ chức Đại hội trước 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội (cụ thể là trước 16h00 ngày 22/4/2024) (tính theo dấu bưu điện đối với hồ sơ gửi bằng thư đảm bảo) theo địa chỉ ở trên:

(i) Bản chính giấy xác nhận tham dự và/hoặc bản sao giấy ủy quyền tham dự Đại hội (cổ đông có thể tham khảo mẫu văn bản ủy quyền đính kèm Thông báo họp).

(ii) Ý kiến đóng góp về các nội dung chương trình Đại hội (nếu có)².

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội phải mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ **bản chính** giấy tờ tùy thân và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại Đoàn kiểm tra tư cách cổ đông.

- Cổ đông khi vào tham dự Đại hội ngồi đúng theo vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định, tuân thủ sự sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

- Giữ trật tự, thái độ nghiêm túc trong giờ họp. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại và các thiết bị ghi âm, ghi hình trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động tắt hoặc để chế độ rung (nếu có nhu cầu sử dụng điện thoại di động xin mời Quý cổ đông trao đổi bên ngoài phòng họp).

- Cổ đông tham dự Đại hội tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa, tạo điều kiện cho cuộc họp diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng, hợp lệ.

"**Cổ đông**" theo quy định tại Quy chế này được hiểu là cổ đông (trực tiếp tham gia) hoặc người đại diện (đối với cổ đông là tổ chức) hoặc người được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội và quy định về ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

- Cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng ngày 25/3/2024 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông của mình là hợp lệ với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

- Cổ đông mất quyền tham dự Đại hội trong các trường hợp sau:

+ Thực hiện hành vi hoặc xúi giục người khác thực hiện hành vi gây rối trật tự trước và trong thời điểm diễn ra Đại hội như cầm băng rôn, biểu ngữ... và các hành vi khác;

+ Phát tán các tài liệu trước và trong Đại hội ngoài các tài liệu mà cổ đông đã được nhận tại Đại hội.

2.2. Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình bản chính văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

3.1. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

a) Cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông được quyền tham gia phát biểu ý kiến, biểu quyết tại Đại hội.

b) Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự họp và/hoặc biểu quyết tại Đại hội.

c) Cổ đông có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

d) Cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

²Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3.2. Nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

a) Cổ đông khi tham dự Đại hội phải mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời họp;
- Bản chính Chứng minh nhân dân hoặc bản chính Thẻ căn cước công dân hoặc bản chính hộ chiếu còn hiệu lực (*Trường hợp thay đổi thông tin, Quý cổ đông vui lòng liên hệ Ban tổ chức để được hỗ trợ*);
- Bản chính giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội:

- Cổ đông xuất trình giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận mã số tham dự, tài liệu họp, một (01) Phiếu biểu quyết, một (01) Thẻ biểu quyết và một (01) Phiếu bầu cử, trong đó:

+ **Một (01) “Phiếu biểu quyết”** có ghi mã số tham dự, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty.

+ **Một (01) “Thẻ biểu quyết”** có ghi mã số tham dự, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty.

+ **Một (01) “Phiếu bầu cử”** có ghi mã số tham dự, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty.

Điều 4: Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch: dự kiến từ 03 người trong đó có 01 Chủ tọa và các thành viên do Ban tổ chức giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua; Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa và là người chủ trì Đại hội.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội diễn ra thành công;

- Hướng dẫn việc thảo luận tại Đại hội, trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời;

- Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 5: Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội gồm 01 Trưởng ban và các thành viên, do Ban tổ chức quyết định thành lập.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tư cách của cổ đông tham dự Đại hội, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật;

- Phát tài liệu Đại hội, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử;

- Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

- Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử và tài liệu của Đại hội. Trong trường hợp này Ban kiểm tra tư cách cổ đông phải lập biên bản ghi nhận sự việc và báo cáo cho Ban tổ chức Đại hội trước khi báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6: Ban thư ký

1. Ban thư ký gồm 01 người do Chủ tọa Đại hội đề cử, Đại hội lựa chọn và biểu quyết thông qua tại Đại hội.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội, bao gồm:

- Ghi chép biên bản Đại hội đầy đủ, trung thực các nội dung, ý kiến thảo luận, kết luận và tỷ lệ biểu quyết thông qua của từng nội dung Đại hội.
- Tiếp nhận và tổng hợp nội dung phiếu đăng ký phát biểu ý kiến thảo luận của cổ đông tại Đại hội để báo cáo cho Đoàn Chủ tịch.
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

Điều 7: Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 09 người do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội lựa chọn, biểu quyết thông qua tại Đại hội. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Thành phần và nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

a) Thành phần Ban kiểm phiếu:

- 01 Trưởng Ban;
- 08 thành viên trong đó có 01 thành viên giám sát kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện của Ban kiểm phiếu. Thành viên giám sát kiểm phiếu có thể là 01 cổ đông do Đại hội lựa chọn hoặc là đại diện bên kiểm toán độc lập.

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông tham dự họp.
- Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký.
- Chuẩn bị thùng phiếu.
- Hướng dẫn các cổ đông thực hiện biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết theo quy định tại Quy chế làm việc và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.
- Hướng dẫn các cổ đông thực hiện bầu cử bằng Phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021 – 2026).
- Tiến hành thu phiếu, giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu. Báo cáo này sẽ được cung cấp cho các cổ đông thông qua trang thông tin điện tử của Công ty và bằng bản in tại văn phòng trụ sở chính của Công ty. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của báo cáo.
- Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ thẻ biểu quyết cho Ban thư ký.
- Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, ý kiến về kết quả biểu quyết (nếu có) và báo cáo đề Đại hội quyết định.
- Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8: Điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày theo lịch cụ thể do Ban tổ chức Đại hội thông báo.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

Điều 9: Chương trình và nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

2. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Điều 10: Thảo luận và ý kiến tại Đại hội

1. Nguyên tắc

Để đảm bảo Đại hội diễn ra có trật tự và tập trung giải quyết các vấn đề đã nêu trong chương trình Đại hội, cổ đông tham gia Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải ghi các nội dung phát biểu vào phiếu đăng ký thảo luận phát biểu ý kiến, chuyển cho Ban thư ký và chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội.

2. Cách thức phát biểu

- Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đã được thông qua; Cổ đông không phát biểu những nội dung:

+ Ngoài các nội dung thông qua tại Đại hội;

+ Nội dung vi phạm pháp luật;

+ Nội dung liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc các vấn đề vượt quá quyền hạn của công ty cổ phần.

- Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp.

3. Phương thức điều hành thảo luận của Chủ tọa Đại hội

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp thắc mắc của cổ đông. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp theo tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lặp với nhau thì Đoàn Chủ tịch sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông. Sau khi không còn ý kiến phát biểu của các cổ đông, Chủ tọa Đại hội sẽ lần lượt trả lời ý kiến của từng cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trả lời các ý kiến này.

- Chủ tọa Đại hội có quyền yêu cầu cổ đông phát biểu đúng nội dung đã đăng ký hoặc yêu cầu cổ đông không tiếp tục phát biểu trong trường hợp cổ đông vi phạm những nội dung được quy định tại khoản 2 điều này.

Điều 11: Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng một trong các hình thức: **Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử** theo số cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền.

2. Số quyền biểu quyết của cổ đông đối với mỗi vấn đề cần biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và/hoặc số cổ phần được ủy quyền (nếu có).

3. Thẻ biểu quyết phải được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông ký và ghi rõ họ tên.

4. Cách thức biểu quyết tại Đại hội:

- Từng nội dung (thuộc thẩm quyền của Đại hội) được đưa ra trước Đại hội đều xin ý kiến theo trình tự:

+ Tán thành (Đồng ý) với nội dung vừa được trình.

+ Không tán thành (Không đồng ý) với nội dung vừa được trình.

+ Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

- Tất cả các nội dung tại Đại hội sẽ được biểu quyết thông qua bằng phương thức sau:

+ **Phương thức giơ "Phiếu biểu quyết"**: cổ đông sẽ biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Phiếu biểu quyết của mình khi được Chủ tọa Đại hội hỏi Đồng ý/Không đồng

ý/Không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Cổ đông chỉ được ghi phiếu biểu quyết một (01) lần đối với từng nội dung.

+ **Phương thức biểu quyết bằng “Thẻ biểu quyết”**: cổ đông được phát một (01) thẻ biểu quyết đã được in sẵn nội dung các vấn đề biểu quyết và có ba (03) ý kiến: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến cho từng vấn đề biểu quyết. Cổ đông sẽ đánh dấu “X” vào ô ý kiến mình chọn.

+ **Phương thức bầu cử bằng “Phiếu bầu cử”**: Phương thức này dùng để bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ II (2021 – 2026).

5. Nội dung biểu quyết cụ thể

- Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:

+ Nhân sự Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa Đại hội, Ban thư ký, Ban Kiểm phiếu;

+ Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội;

+ Chương trình Đại hội;

+ Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021 – 2026);

+ Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội.

- Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:

Đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu chéo “X” vào ô **Tán thành** hoặc **Không tán thành** hoặc **Không có ý kiến** của từng vấn đề được nêu trong Thẻ biểu quyết.

a) Tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết:

- **Thẻ biểu quyết hợp lệ là:**

+ Thẻ biểu quyết do Công ty phát hành, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Thẻ này và phải có chữ ký của cổ đông.

+ Trên Thẻ biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi cổ đông đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Thẻ biểu quyết không hợp lệ là:**

+ Thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác ngoài nội dung quy định cho Thẻ biểu quyết, ghi nội dung trên Thẻ biểu quyết bằng viết chì ;

+ Thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn;

+ Thẻ biểu quyết không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 02 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

+ Thẻ biểu quyết không có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông.

- Trong một (01) Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết của nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

- Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc Thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

b) Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.

c) Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu **Tán thành** hoặc **Không tán thành** hoặc **Không có ý kiến** hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội ngay sau khi tiến hành biểu quyết các vấn đề đó và thể hiện tại Biên bản kiểm phiếu.

Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo từng nội dung biểu quyết và được tính theo phần trăm (%) làm tròn đến hai (02) số thập phân.

6. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử

đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức/Ban kiểm phiếu trước khi ra về và phiếu đó vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

Nếu cổ đông nào không gửi lại **Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử** cho Ban tổ chức/Ban kiểm phiếu thì kết quả biểu quyết được tính trên tổng số phiếu thu vào và được hiểu rằng tại thời điểm bỏ phiếu không có sự hiện diện của cổ đông đã ra về trước thời điểm biểu quyết.

Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số phiếu thu vào.

Điều 12: Thông qua Nghị quyết của Đại hội

1. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện **từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên** của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ đã được thông qua;
- c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e) Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
- f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 13: Biên bản và Nghị quyết Đại hội

1. Biên bản họp Đại hội cổ đông phải thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

2. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14: Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này gồm 4 chương, 14 điều, được đọc trước Đại hội, lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông dự họp trước khi tiến hành.

2. Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội kể từ thời điểm trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

3. Chủ tọa Đại hội chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này. /s/

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Sulhank
Lê Thị Mỹ Hạnh

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ
TRỌNG TÂM NĂM 2024 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn, Hội đồng quản trị Công ty ("HĐQT") báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của HĐQT như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023:

1. Đặc điểm tình hình:

- Tình hình thế giới mặc dù có một số tín hiệu tích cực, nhưng về tổng thể kinh tế toàn cầu chưa ra khỏi giai đoạn khó khăn, có tính bất định cao, diễn biến phức tạp, nhanh chóng cùng nhiều yếu tố mới, bất ngờ, xuất hiện các rủi ro trong cả ngắn hạn và dài hạn (bất thường hơn, bất ổn hơn và rủi ro hơn). Sau đại dịch COVID-19, trên con đường hồi phục, hầu hết các nền kinh tế thế giới lại phải gặp thách thức lớn khác là sự bùng nổ của giá cả hàng hóa và năng lượng. Sự nổi lên của xung đột Nga - Ukraine đã kích hoạt lạm phát trên quy mô toàn cầu kể từ cuối năm 2022. Bên cạnh đó, trong phát triển kinh tế thế giới, công cuộc chuyển đổi số và chuyển đổi xanh hay chuyển đổi năng lượng trên thế giới là vấn đề được đề cập nhiều và đang diễn ra rất mạnh mẽ, khẩn trương, gấp rút.

- Ở trong nước, Quốc hội, Chính phủ ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, giải pháp quyết liệt, kịp thời, sát thực tế. Nền kinh tế Việt Nam đã đứng vững, cơ bản vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện, được quốc tế và trong nước ghi nhận, định vị tín nhiệm và vị thế quốc tế được cải thiện. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, khó khăn thách thức đặt ra đối với nền kinh tế Việt Nam vẫn còn rất lớn, phụ thuộc nhiều vào xu hướng chung của toàn cầu cũng như các giải pháp hữu hiệu khắc phục những bất cập nội tại của nền kinh tế.

- Trong bối cảnh và tình hình đó, Công ty đã bám sát tình hình thị trường, nỗ lực, chủ động triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phục hồi, phát triển sản xuất - kinh doanh đã giúp cho Công ty đạt được những kết quả khả quan trong năm 2023, Công ty hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ, chính sách cho người lao động. Cụ thể: năm 2023, Công ty đạt tổng doanh thu 523.271 triệu đồng, đạt 92% so với kế hoạch và tăng 7% so với cùng kỳ năm 2022; lợi nhuận trước thuế đạt 32.021 triệu đồng, hoàn thành vượt 60% so với kế hoạch năm 2023.

2. Thông tin thành viên HĐQT:



Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch	29/6/2021	
2	Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	29/6/2021	
3	Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên	29/6/2021	
4	Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	29/6/2021	
5	Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	29/6/2021	
6	Ông Trần Lâm	Thành viên	29/6/2021	
7	Ông Trần Long	Thành viên	29/6/2021	

3. Các cuộc họp HĐQT:

Trong năm 2023, HĐQT đã tiến hành nhiều cuộc họp và thông qua nhiều nội dung quan trọng liên quan đến định hướng chiến lược, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HĐQT đã thông qua một số nội dung chính như sau:

- Tổ chức 04 phiên họp để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty.
- Tổ chức 06 lần ý kiến thành viên HĐQT để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết này được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng Điều lệ Công ty và dưới sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty.
- Các cuộc họp HĐQT biên bản được lập đầy đủ chữ ký của thành viên HĐQT tham dự cuộc họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo quy định của Điều lệ. Do vậy, các nội dung được HĐQT thông qua luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao.
- Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết, thể hiện tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Trong năm 2023, HĐQT đã ban hành 08 Nghị quyết và 04 Quyết định:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT/SGB	06/02/2023	Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023	100%
2	02/NQ-HĐQT/SGB	14/4/2023	Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
3	03/QĐ-HĐQT/SGB	14/4/2023	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%
4	04/NQ-HĐQT/SGB	23/5/2023	Thực hiện thanh toán số công nợ còn lại của Hợp đồng số 1428/2019/SGB-MITACO-GIADICO ký ngày 18/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn và liên danh Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây - Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Gia Định	100%
5	05/QĐ-HĐQT/SGB	03/7/2023	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%
6	06/NQ-HĐQT/SGB	01/8/2023	Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
7	07/NQ-HĐQT/SGB	01/8/2023	Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%
8	08/NQ-HĐQT/SGB	30/8/2023	Về kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2023	100%
9	09/NQ-HĐQT/SGB	07/9/2023	Về việc thông qua nội dung trình ĐHĐCĐ bất thường và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	100%
10	10/QĐ-HĐQT/SGB	07/9/2023	Về việc điều chỉnh loại chứng khoán	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	11/NQ-HĐQT/SGB	16/10/2023	Về việc tham gia các gói thầu cung ứng sản phẩm dịch vụ công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và đầu tư phương tiện	100%
12	12/NQ-HĐQT/SGB	14/12/2023	Về việc tham gia các gói thầu cung ứng sản phẩm dịch vụ công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và đầu tư phương tiện	100%

4. Quỹ thù lao của HĐQT Công ty năm 2023:

Theo Nghị quyết số 235/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 07/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua Kế hoạch quỹ thù lao HĐQT năm 2023:

Chủ tịch HĐQT: 96 triệu đồng/năm/người

Thành viên HĐQT: 432 triệu đồng/năm

Tình hình thực hiện quỹ thù lao của HĐQT năm 2023:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao (Trđ)
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch HĐQT	96
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên HĐQT điều hành	72
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên HĐQT không điều hành	72
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên HĐQT điều hành	72
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên HĐQT điều hành	72
Ông Trần Lâm	Thành viên HĐQT không điều hành	72
Ông Trần Long	Thành viên HĐQT không điều hành	72
Tổng cộng		528

5. Quỹ tiền lương của Ban điều hành Công ty năm 2023:

Theo Nghị quyết số 235/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 07/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua Tổng quỹ lương của Ban điều hành: 3.859 triệu đồng

Tình hình thực hiện quỹ lương của Ban điều hành năm 2023:

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương (Trđ)
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc	771,5
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc	631,5
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc	631,5
Ông Nim Vuồn Phu	Phó Tổng Giám đốc	631,5

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương (Trđ)
Ông Bùi Đức Thọ ¹	Phó Tổng Giám đốc	270,5
Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Kế toán trưởng	561,5
Tổng cộng		3.498

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2023:

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 272 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ của năm 2017, 2018, 2019 và 2021 chưa được thực hiện như sau:

1.1. Theo Nghị quyết số 797/NQ-ĐHĐCĐ/2017 ngày 25/5/2017 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017:

- + Dự án 592 Cộng Hòa: dự kiến khởi công vào tháng 7-8/2017
- + Dự án bãi xe Bắc Việt: dự kiến hoàn tất giai đoạn 1 đưa vào vận hành bãi đậu xe nhiều tầng vào tháng 12/2017, đồng thời tiến hành các bước thực hiện giai đoạn 2 kết hợp loại hình thương mại, dịch vụ hỗ trợ.

Nguyên nhân chưa thực hiện được là do hiện nay Công ty đang tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan đến đất đai của 02 khu đất này.

1.2. Theo Nghị quyết số 503/NQ-ĐHĐCĐ/2018 ngày 09/4/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018:

- + Đầu tư xe buýt với tổng mức đầu tư là 60,5 tỷ đồng.
- + Dự án bãi xe Phố Quang: ĐHĐCĐ thống nhất giao HĐQT phê duyệt và triển khai thực hiện dự án theo 02 phương án:
 - Phương án 1: hợp tác đầu tư và kinh doanh
 - Phương án 2: Trường hợp không tìm được đối tác để thực hiện phương án 1 thì Công ty sẽ tự vay vốn để tiến hành triển khai đầu tư.

Nguyên nhân chưa được thực hiện là do: đối với đầu tư phương tiện cho hoạt động buýt Công ty sẽ thực hiện đầu tư theo yêu cầu chủng loại xe của các gói thầu tuyển buýt có trợ giá do Trung tâm QLGTCC triển khai, do dự án chưa được triển khai nên HĐQT chưa phê duyệt được phương án thực hiện dự án.

1.3. Theo Nghị quyết số 402/NQ-ĐHĐCĐ/2019 ngày 08/4/2019 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019:

- + Đầu tư phương tiện
 - Đầu tư phương tiện buýt của các tuyến buýt số 30, 50, 52, 91 và 96: 65 xe với tổng mức đầu tư 160,05 tỷ đồng.
 - Đầu tư phương tiện cho hoạt động dịch vụ (tuyến Campuchia và đưa rước công nhân): 23 xe với tổng mức đầu tư 39,418 tỷ đồng

Nguyên nhân chưa được thực hiện là do: đối với đầu tư phương tiện cho hoạt động buýt Công ty sẽ thực hiện đầu tư theo yêu cầu chủng loại xe của các gói thầu tuyển buýt có trợ giá do Trung tâm QLGTCC triển khai; đối với đầu tư phương tiện cho hoạt động dịch vụ Công ty sẽ đầu tư theo nhu cầu của khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả đầu tư.

¹ Miễn nhiệm kể từ ngày 03/7/2023.

1.4. Theo Nghị quyết số 563/NQ-ĐHĐCĐ/2021 ngày 29/6/2021 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021:

Đầu tư phương tiện cho hoạt động xe buýt, hoạt động kinh doanh dịch vụ và đầu tư hệ thống mô phỏng đào tạo lái xe ô tô với tổng mức đầu tư 321,146 tỷ đồng.

Nguyên nhân chưa được thực hiện là do: năm 2021 các gói thầu tuyển buýt có trợ giá không được Trung tâm QLGTCC triển khai nên Công ty không thực hiện đầu tư.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

- Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban điều hành thông qua các cuộc họp định kỳ hàng quý và tổ chức họp đột xuất trong các trường hợp giải quyết công việc cần thiết. Ban điều hành định kỳ báo cáo HĐQT tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, thuận lợi, khó khăn trong công tác điều hành mà nghị quyết, quyết định đã đề ra. Từ đó, HĐQT phối hợp với Ban điều hành tháo gỡ, khắc phục những khó khăn, vướng mắc, nỗ lực phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- Ban điều hành đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết công việc với tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành công ty, xin ý kiến chỉ đạo định hướng của HĐQT; giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động của Công ty một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp tình hình thực tế trên cơ sở chỉ đạo của HĐQT.

- Nhìn chung, công tác giám sát đối với Ban điều hành được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, bám sát mục tiêu, kế hoạch do ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	TH năm 2022 (Trđ)	Năm 2023			
			Kế hoạch ² (Trđ)	Thực hiện ³ (Trđ)	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
1.	Tổng doanh thu	491.194	571.821	523.271	92%	107%
2.	Tổng chi phí	476.179	550.000	488.250	89%	103%
3.	Lợi nhuận trước thuế	15.015	21.821	35.021	160%	233%

- Qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cho thấy sau khi đại dịch Covid-19, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn gặp không ít khó khăn, thách thức trước những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình kinh tế thế giới và khu vực...; tuy nhiên Ban điều hành Công ty đã tập trung đưa ra nhiều giải pháp, bên cạnh đó cùng với sự nỗ lực tích cực, sự đồng lòng, ủng hộ của toàn bộ người lao động, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có dấu hiệu khởi sắc.

- Bên cạnh các giải pháp nội lực, HĐQT cùng với Ban điều hành đã chủ động báo cáo các Sở ban ngành liên quan để hỗ trợ Công ty tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của Công ty.

² Theo Nghị quyết số 235/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

³ Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

4. Đánh giá chung:

Nhìn chung, Ban điều hành Công ty đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; báo cáo tình hình quản trị, điều hành, xin ý kiến chỉ đạo và định hướng của HĐQT; giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động của Công ty một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở chỉ đạo của HĐQT.

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024:

1. Dự báo tình hình:

- Kinh tế thế giới năm 2024 dần hồi phục sau đại dịch COVID-19 nhưng bấp bênh, đối mặt với nhiều yếu tố rủi ro, thách thức, bao gồm: Tăng trưởng kinh tế toàn cầu đang bị kìm hãm bởi ảnh hưởng dai dẳng của đại dịch, xung đột và rủi ro địa chính trị; sự suy giảm của các giải pháp kích cầu và lãi suất vẫn ở mức cao; giá hàng hóa cơ bản biến động khó lường; lạm phát có thể trở lại; tình trạng phân mảnh địa kinh tế gia tăng; khủng hoảng bất động sản ở Trung Quốc; thời tiết cực đoan.

- Hoạt động kinh tế xã hội nước ta năm 2024 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều yếu tố rủi ro bất định; bất ổn địa chính trị, thời tiết cực đoan gây hệ lụy nghiêm trọng đến an ninh năng lượng, lương thực, đứt gãy chuỗi cung ứng sản xuất; tiêu dùng suy giảm.

- Trước những dự báo về tình hình thế giới và trong nước, phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2024 dự báo sẽ còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức bên cạnh những cơ hội mới.

2. Chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm:

Trên cơ sở đánh giá kết quả đạt được của năm 2023 và dự báo tình hình năm 2024, HĐQT đề ra một số chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm như sau:

2.1. Chỉ tiêu:

- Doanh thu: 624.309 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 39.235 triệu đồng

Ghi chú: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 sẽ có sự điều chỉnh khi Công ty trúng thầu các tuyến buýt, các khoản nợ phải thu quá hạn không có khả năng thu hồi và phát sinh chi phí tiền thuê đất cho giai đoạn từ năm 2016 khi các khu đất của Công ty được thẩm định giá thuê đất. Ngoài ra, rủi ro lạm phát gia tăng, cơ chế, chính sách trợ giá xe buýt, áp lực biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào... cũng là yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

2.2. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Nâng cao hiệu quả, giải pháp an toàn tài chính, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao công tác đào tạo nội bộ, khuyến khích người lao động tự đào tạo. Rà soát, bổ sung, xây dựng cơ chế lương, thưởng, chế độ đãi ngộ phù hợp với tình hình thực tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành. Hoàn thiện các đề án ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và thu hút người dân tham gia đi lại bằng xe buýt; trong đó tập trung triển khai hệ thống bán vé tự động sử dụng thẻ thông minh, QRcode để tiến tới việc không sử dụng nhân viên điều hành đầu bến, nhân viên phục vụ xe buýt, đồng thời thực hiện việc kiểm tra đối soát sản lượng, doanh thu qua

phần mềm trực tuyến và thực hiện lệnh vận chuyển điện tử thay thế lệnh vận chuyển bằng giấy như hiện nay.

- Khai thác cơ hội kinh doanh tại các thị trường mới thông qua các hình thức liên doanh liên kết và tiếp tục nâng cao hiệu quả, mở rộng thị phần của các hoạt động kinh doanh hiện hữu.

- Nghiên cứu đầu tư phương tiện buýt khi trúng thầu gói thầu các tuyến buýt có trợ giá, đầu tư phương tiện phục vụ hoạt động dịch vụ cho thuê xe, hoạt động đào tạo, sát hạch lái xe và cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất của các địa điểm kinh doanh của Công ty.

- Tập trung các giải pháp khai thác, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và phát huy tối đa hiệu quả của các cơ sở vật chất của Công ty hiện có. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ pháp lý tại các khu đất của Công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của HĐQT Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT (01b).



Lê Thị Mỹ Hạnh

Số: 02 /TTr-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn (“ĐHĐCĐ”) biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

Nội dung 1: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Nội dung 2: Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2024 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Nội dung 3: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin và đăng trên website của Công ty tại địa chỉ <http://www.saigonbus.com.vn>

Nội dung 4: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	TH năm 2022 (Trđ)	Năm 2023			
			Kế hoạch ¹ (Trđ)	Thực hiện ² (Trđ)	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
1.	Tổng doanh thu	491.194	571.821	523.271	92%	107%
2.	Tổng chi phí	476.179	550.000	488.250	89%	103%
3.	Lợi nhuận trước thuế	15.015	21.821	35.021	160%	233%

Nội dung 5: Mức cổ tức năm 2023

Năm 2023 Công ty không thực hiện chia cổ tức do bù lỗ của các năm trước.

Nội dung 6: Quỹ thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện năm 2023

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức thù lao/tháng (Triệu đồng)	Quỹ thù lao thực hiện năm 2023 (Triệu đồng)
Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	1	8	96
2	Thành viên	6	6	432
Ban kiểm soát				
1	Trưởng BKS	1	25	300
2	Thành viên BKS	2	5	120
Tổng cộng		10		948

Nội dung 7:

7.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024 (Triệu đồng)
1	Tổng doanh thu	624.309
2	Tổng chi phí. Trong đó:	585.074
	- Quỹ lương người lao động	196.299
	- Quỹ lương của Ban điều hành	3.800
3	Lợi nhuận trước thuế	39.235

Ghi chú: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 sẽ có sự điều chỉnh khi Công ty trúng thầu các tuyến buýt và phát sinh chi phí tiền thuê đất cho giai đoạn từ năm 2016 khi các khu đất của Công ty được thẩm định giá thuê đất. Ngoài ra, rủi ro lạm phát gia tăng, cơ chế, chính sách trợ giá xe buýt, áp lực biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào... cũng là yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

7.2. Mức cổ tức dự kiến năm 2024:

Công ty không chia cổ tức của năm 2024 do bù lỗ của các năm trước.

¹ Theo Nghị quyết số 235/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

² Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

7.3. Kế hoạch quỹ thù lao của HĐQT và BKS Công ty năm 2024:

- Quỹ thù lao của HĐQT: 528 triệu đồng, trong đó:
 - + Chủ tịch (01 người): 96 triệu đồng/năm
 - + Thành viên (06 người): 432 triệu đồng/năm
- Quỹ thù lao của BKS: 420 triệu đồng, trong đó:
 - + Trưởng BKS (01 người): 300 triệu đồng/năm
 - + Thành viên BKS (02 người): 120 triệu đồng/năm

- Quỹ thù lao bổ sung cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Bổ sung thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nếu Công ty đạt hoặc vượt mức lợi nhuận kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quỹ thù lao bổ sung được ghi nhận vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024. Mức bổ sung là 01% lợi nhuận đạt kế hoạch và 05% phần lợi nhuận vượt kế hoạch. Giao Hội đồng quản trị Công ty quyết định hệ số phân phối Quỹ thù lao bổ sung giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Nội dung 8: Tờ trình của Ban kiểm soát Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Nội dung 9: Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ II (2021 – 2026)

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026) đối với bà Vũ Thị Hồng Cẩm và bà Trần Thị Ngọc Dung.

Nội dung 10: Bầu cử thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026) thay thế bà Vũ Thị Hồng Cẩm và bà Trần Thị Ngọc Dung.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026) thay thế bà Vũ Thị Hồng Cẩm và bà Trần Thị Ngọc Dung.

Nội dung 11: Danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026) thay thế bà Vũ Thị Hồng Cẩm và bà Trần Thị Ngọc Dung.

1. Bà Nguyễn Thị Tố Như.
2. Bà Trần Kim Tuyền.

Hồ sơ ứng viên: theo tài liệu đính kèm.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT (01b).



Lê Thị Mỹ Hạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (“BKS”) NHIỆM KỲ II
(Áp dụng cho 01 cổ đông)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Tên cổ đông: **TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN –
TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số¹:0300481551

Ngày cấp: 24/11/2015 Nơi cấp:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật: ông **TRẦN QUỐC TOẢN**

Số cổ phần sở hữu tại thời điểm đề cử: 29.400.000 cổ phần, tương ứng với 49% tổng số cổ phần của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi đề cử:

1. Bà: Trần Kim Tuyền

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu: 079178018294

Ngày cấp: 01/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 172A/7/8 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, TPHCM

Trình độ học vấn: Cử nhân Chuyên ngành: Luật

2. Bà: Nguyễn Thị Tố Như

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu: 080190000929

Ngày cấp: 27/10/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 08.10, Chung cư Lê Thành, Tân Tạo, Bình Tân, TPHCM

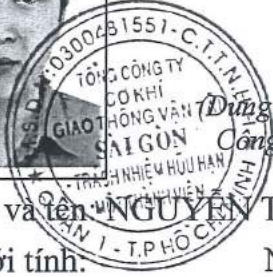
Trình độ học vấn: Thạc sĩ Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

¹ Nếu cổ đông là pháp nhân thì ghi số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2024



SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Đề nghị tham gia làm ứng cử viên thành viên BKS Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II)

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ TỐ NHƯ**
- Giới tính: Nam Nữ
- Ngày sinh: 18/10/1990
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số: [REDACTED]
Ngày cấp: 27/10/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội
- Địa chỉ thường trú: [REDACTED]
- Số điện thoại liên lạc: 028.39200408
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Ths Tài chính – Ngân hàng.

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Ths	Tài chính – Ngân hàng	2021	2018-2020	Đại học Tài chính - Marketing
Cử nhân	Tài chính – Ngân hàng	2014	2012-2014	Đại học Ngân hàng TP.HCM

10. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2012 đến 05/2015	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Nhân viên kinh doanh; Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Công ty.
01/06/2015 đến nay	Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH Một thành viên.	Phó Bí thư Đoàn Tổng Công ty; Chủ nhiệm Ủy Ban Kiểm tra Đoàn Thanh niên Tổng Công ty; Chuyên viên Nhân sự Tổng Công ty;

11. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu:.....cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp:.....cổ phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tố Như





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2024

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên BKS
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II)

- Họ và tên: Trần Kim Tuyền
- Giới tính: Nam Nữ
- Ngày sinh: 20/10/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: 01/05/2021 Nơi cấp: CT CCS QLHC & TTXH
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại liên lạc: 0983391838
- Trình độ văn hoá: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Đại học	Luật	2015	5 năm	Đại học Huế

10. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 08/2004 đến Tháng 07/2016	P. Kỹ thuật Vật tư – Cty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn	Chuyên viên
Từ tháng 08/2016 đến Tháng 12/2016	P. Kỹ thuật Vật tư – Cty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn	Chuyên viên
Từ tháng 01/2017 đến Tháng 07/2020	P. Kỹ thuật Vật tư – Cty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn	Nhân viên văn phòng
Từ tháng 08/2020 đến Tháng 03/2023	P. Tổng hợp – Cty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn.	Nhân viên văn phòng
Từ tháng 04/2023 đến nay	P. Tổ chức Hành chính – Cty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn	Nhân viên văn phòng

11. Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2100 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: 2100 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp:.....cổ phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Kim Tuyền

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE RECTOR OF
UNIVERSITY OF FINANCE - MARKETING

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

confers

cấp

THE DEGREE OF MASTER

BẰNG THẠC SĨ

Of *Finance - Banking*

Ngành *Tài chính - Ngân hàng*

Upon *Nguyen Thi To Nhu*

Cho *Nguyễn Thị Tô Nhu*

Date of birth: **18 October 1990**

Ngày sinh: **18/10/1990**

Ho Chi Minh City, 24 March 2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực..... 5.7.7.4 Quyển số 04 SCT/BS

Ngày 15 tháng 04 năm 2021

PHÓ CHỦ TỊCH UBNE PHƯỜNG CỎ GIANG - QUẬN



Lại Văn Cường



TS. Hoàng Đức Long

Số hiệu: UFM-8 00125

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: 39/MFB11_1/2021

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT
OF HUE UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

LAW

Upon: **Ms TRAN KIM TUYEN**

Date of birth: *20 October 1978*

Year of graduation: *2015*

Degree classification: *Average good*

Mode of study: *Distance learning*

Thua Thien Hue, 22 July 2015

Reg. No: *3013/15*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC HUẾ

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

LUẬT

Cho: **Bà TRẦN KIM TUYẾN**

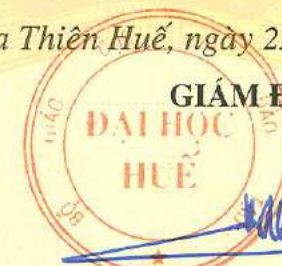
Ngày sinh: *20/10/1978*

Năm tốt nghiệp: *2015*

Xếp loại tốt nghiệp: *Trung bình khá*

Hình thức đào tạo: *Học từ xa*

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 07 năm 2015



PGS. TS. Nguyễn Văn Toàn

Số hiệu: **E 0088706**

Số vào sổ cấp bằng: *3013/15*



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 lần đầu ngày 21/4/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020 là 600.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán BSG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên
Ông Trần Lâm	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên
Ông Trần Long	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng ban
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nim Vuồn Phu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc

(Miễn nhiệm ngày 03/7/2023)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Lê Thị Mỹ Hạnh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2024

Số: 77/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn được lập ngày 08/3/2024, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 5.3 và 6.1 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, doanh thu dịch vụ và khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tương ứng của Công ty với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt mới được quyết toán đơn giá đến hết năm 2013. Doanh thu trợ giá này được ghi nhận dựa trên đơn giá quy định trong hợp đồng đặt hàng đã ký với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ năm 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.

Như trình bày tại thuyết minh số 4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả các vấn đề như sau:

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ 19/08/2016. Tại ngày lập Báo cáo này, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện xong công việc Kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước và đã có Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của Công ty theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần. Công ty đã hoàn thành Hồ sơ Quyết toán vốn Nhà nước theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyết toán vốn Nhà nước được phê duyệt cuối cùng có thể làm thay đổi giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận của Công ty. Các điều chỉnh có liên quan, nếu có, sẽ được Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Ban Điều hành Công ty đã quyết định trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do chi vượt quỹ lương những năm trước khi cổ phần hóa với giá trị 4.606.921.103 VND theo Báo cáo số 496/BC ngày 08/8/2023 của Tổng Giám đốc. Theo đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được chúng tôi kiểm toán không có đưa ra ý kiến ngoại trừ về vấn đề này.



Bùi Thị Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2024

Lưu Minh Tới
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		185.433.551.312	142.158.935.690
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	49.959.745.159	72.114.492.377
1. Tiền	111		4.959.745.159	27.114.492.377
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	45.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	58.500.000.000	500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		58.500.000.000	500.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.269.505.790	59.982.491.537
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	43.504.226.787	34.251.377.906
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		783.900.421	1.540.366.206
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	31.259.185.315	24.861.633.055
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(5.277.806.733)	(670.885.630)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	5.494.107.948	4.983.699.427
1. Hàng tồn kho	141		5.494.107.948	4.983.699.427
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.210.192.415	4.578.252.349
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	173.655.248	3.520.863.258
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	1.036.537.167	1.057.389.091
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+230+240+250+260)	200		328.095.668.457	387.738.679.830
II Tài sản cố định	220		316.578.572.100	375.158.838.976
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	315.467.795.958	373.802.833.567
- Nguyên giá	222		921.560.596.028	970.739.232.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(606.092.800.070)	(596.936.399.014)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.110.776.142	1.356.005.409
- Nguyên giá	228		2.779.541.250	2.779.541.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.668.765.108)	(1.423.535.841)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		664.083.636	664.083.636
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	664.083.636	664.083.636
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		10.853.012.721	11.915.757.218
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	10.853.012.721	11.915.757.218
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		513.529.219.769	529.897.615.520

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	31/12/2023	31/12/2023
		VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300	182.377.347.432	233.766.362.408
I- Nợ ngắn hạn	310	152.587.119.972	170.286.001.940
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.11	84.576.391.297	77.654.369.570
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.044.868.721	1.867.055.515
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.12	20.041.806.971	15.881.564.649
4. Phải trả người lao động	314	28.836.095.282	32.590.136.324
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 5.13	5.072.984.676	25.964.335
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	520.266.137	493.888.574
7. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.14	1.558.383.773	4.247.304.741
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 5.15	9.371.689.655	30.072.935.124
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	1.550.477.820	7.438.627.468
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	14.155.640	14.155.640
II- Nợ dài hạn	330	29.790.227.460	63.480.360.468
1. Phải trả người bán dài hạn	331 5.11	26.410.000.000	50.743.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337 5.14	1.445.527.460	990.160.468
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 5.15	1.934.700.000	11.747.200.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	331.151.872.337	296.131.253.112
I- Vốn chủ sở hữu	410 5.16	331.151.872.337	296.131.253.112
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	600.000.000.000	600.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	600.000.000.000	600.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(268.848.127.663)	(303.868.746.888)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a	(303.868.746.888)	(318.883.764.986)
- LNST chưa phân phối kì này	421b	35.020.619.225	15.015.018.098
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440	513.529.219.769	529.897.615.520

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Giao Thuyết



Phạm Hoàng Hiệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	515.210.692.367	485.266.529.373
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		515.210.692.367	485.266.529.373
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	429.955.858.924	425.061.534.802
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		85.254.833.443	60.204.994.571
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.723.282.148	1.144.927.653
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.394.440.110	3.261.037.201
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.394.440.110	3.261.037.201
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	2.059.266.981	811.184.607
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	53.002.199.481	44.013.051.625
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		32.522.209.019	13.264.648.791
11. Thu nhập khác	31	6.7	4.336.870.192	4.782.258.349
12. Chi phí khác	32	6.7	1.838.459.986	3.031.889.042
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	2.498.410.206	1.750.369.307
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		35.020.619.225	15.015.018.098
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		35.020.619.225	15.015.018.098
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	584	250

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Giao Thuyet

Tổng Giám đốc



Phạm Hoàng Hiệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.020.619.225	15.015.018.098
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		71.653.906.687	75.045.278.363
- Các khoản dự phòng	03		(1.281.228.545)	7.438.627.468
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.680.640.805)	(4.419.698.381)
- Chi phí lãi vay	06		1.394.440.110	3.261.037.201
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		100.107.096.672	96.340.262.749
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.054.035.432)	8.521.853.495
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(510.408.521)	644.482.678
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.966.480.510)	(22.147.888.840)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.409.952.507	1.512.153.420
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.415.079.459)	(3.264.214.696)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		71.571.045.257	81.606.648.806
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(14.431.767.686)	(3.017.030.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		4.315.486.532	(4.315.000.000)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(58.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.723.282.148	1.144.927.653
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(64.392.999.006)	(6.187.102.347)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		700.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(30.032.793.469)	(35.523.861.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.332.793.469)	(35.523.861.440)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(22.154.747.218)	39.895.685.019
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		72.114.492.377	32.218.807.358
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	49.959.745.159	72.114.492.377

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Giao Thuyết

Tổng Giám đốc



Phạm Hoàng Hiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 lần đầu ngày 21/4/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 01/4/2020 là 600.000.000.000 VND (Bằng chữ: Sáu trăm tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON PASSENGER TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: SATRANCO.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán BSG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 875 người (tại ngày 31/12/2022 là 841 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lĩnh vực nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất lượng sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất, Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh lĩnh vực nội địa;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 07 đơn vị kinh doanh và 01 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tại thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

<u>STT</u>	<u>Tên xí nghiệp</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Xí nghiệp Dịch vụ Sửa chữa Ô tô	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
2	Xí nghiệp Vận tải và Du lịch	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
3	Trung tâm Sát hạch lái xe Tân Bình	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp SaiGonBus	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
5	Xí nghiệp Vận tải Buýt gồm các đơn vị	
-	Văn phòng Buýt Lạc Long Quân	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TP. Hồ Chí Minh – 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
-	Văn phòng buýt Phố Quang	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
-	Văn phòng buýt Phan Văn Trị	Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
6	Cửa hàng Xăng dầu	Số 500 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
7	Cửa hàng Xăng dầu	439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
8	Địa điểm kinh doanh	Số 171 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ 19/08/2016. Tuy nhiên, tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa có quyết định của các cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hoá và biên bản bàn giao sang Công ty cổ phần.

Tại ngày lập Báo cáo này, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện xong công việc Kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước và đã có Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của Công ty theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần. Công ty đã hoàn thành Hồ sơ Quyết toán vốn Nhà nước theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyết toán vốn Nhà nước được phê duyệt cuối cùng có thể làm thay đổi giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận của Công ty. Các điều chỉnh có liên quan nếu có, sẽ được Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước tại thời điểm ngày 30/6/2015. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20
Dụng cụ quản lý	05 - 20
Tài sản cố định khác	05 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 07 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại số 171 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Do Công ty chưa ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hồ Chí Minh nên chưa xác định thời gian phân bổ tiền thuê đất trả trước.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 7025/QĐ- UBND ngày 25/12/2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay: Trích trước theo gốc vay, thời gian và lãi suất hợp đồng vay.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

- Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật căn cứ Thông tư 65/2014/TT - BGT/VT ngày 10/11/2014 về việc ban hành định mức khung Kinh tế - Kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Hàng năm, Công ty tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với sản lượng xăng thực tế bán ra.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu vận chuyển thực tế theo hợp đồng đặt hàng và doanh thu trợ giá.

Doanh thu vận chuyển thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng = Doanh thu/chuyển x Tổng số chuyển thực tế.

Doanh thu trợ giá đang được ghi nhận theo chênh lệch của chi phí thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng trừ đi doanh thu vận chuyển trên hợp đồng đặt hàng.

Doanh thu/chuyển = Doanh thu bình quân/hành khách (Đơn giá theo hợp đồng đặt hàng) x Số lượng hành khách/chuyển thực tế.

Chi phí thực tế tính theo đơn giá trên hợp đồng đặt hàng = Chi phí/chuyển (Đơn giá theo hợp đồng đặt hàng) x Tổng số chuyển thực tế.

Chi phí/chuyển = Chi phí/chuyển tính theo đơn giá nhiên liệu theo quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 28/6/2020 có điều chỉnh giá nhiên liệu, tiền lương trừ chi phí khấu hao (đối với tuyến sử dụng xe trên 10 năm) và chi phí tiếp viên/chuyển (đối với tuyến không bố trí tiếp viên).

Số lượng hành khách/chuyển và tổng số chuyển thực tế căn cứ theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện mỗi tháng với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng.

Doanh thu bình quân/hành khách và Chi phí/chuyển tạm tính theo hợp đồng đặt hàng hàng năm với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng và sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán của các cơ quan có thẩm quyền tại ngày 31/12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ vận tải và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	644.429.166	104.595.151
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.315.315.993	27.009.897.226
Các khoản trong đương tiền (i)	45.000.000.000	45.000.000.000
Tổng	49.959.745.159	72.114.492.377

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 3 theo các hợp đồng tiền gửi với lãi suất từ 3,2% đến 6,0%/năm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với tổng số tiền 5.000.000.000 VND đang đảm bảo tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 3.

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	58.500.000.000	58.500.000.000	500.000.000	500.000.000
Tổng	58.500.000.000	58.500.000.000	500.000.000	500.000.000

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP theo các hợp đồng tiền gửi với lãi suất từ 4,2% đến 6,7%/năm. Trong đó:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng số tiền 500.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đang bị phong tỏa để ký quỹ kinh doanh lãi hành quốc tế.
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với tổng số tiền 15.000.000.000 VND đang đảm bảo tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 3.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng (i)	17.735.985.152	14.596.138.438
Công ty TNHH GB Hà Nội (ii)	6.180.000.000	6.180.000.000
Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	7.123.678.000	-
Các khách hàng khác	12.464.563.635	13.475.239.468
Tổng	43.504.226.787	34.251.377.906

Trong đó: Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)

<i>3.943.958.292</i>	<i>2.160.488.180</i>
----------------------	----------------------

- (i) Các khoản phải thu của Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về tiền trợ giá xe buýt và vé tập, khoản phải thu này mới quyết toán đến hết năm 2013. Ngoài ra các hợp đồng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng chưa được thanh lý từ năm 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.
- (ii) Khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng 4 xe ô tô cho Công ty TNHH GB Hà Nội đang có tranh chấp (chi tiết tại Thuyết minh số 7.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.4 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng	4.408.722.291	(31.300.900)	5.155.140.149	(31.300.900)
Ký cược, ký quỹ	5.266.646.124	(139.920.000)	2.854.436.004	(139.920.000)
Phải thu Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng - Tiền phạt mất chuyến (i)	6.484.700.000	-	6.484.700.000	-
Phải thu Ngân sách Nhà nước - Dự án 39 Hải Thượng Lãn Ông tiền lãi hỗ trợ (ii)	9.018.758.070	-	9.018.758.070	-
Các khoản hỗ trợ lãi vay đầu tư xe bus của ngân sách nhà nước	933.087.018	-	970.255.764	-
Phải thu về quỹ lương chỉ vượt trong giai đoạn là Công ty TNHH MTV (iii)	4.606.921.103	(4.606.921.103)	-	-
Phải thu khác	540.350.709	-	378.343.068	-
Tổng	31.259.185.315	(4.778.142.003)	24.861.633.055	(171.220.900)

- (i) Khoản phạt mất chuyến được giảm và phải thu lại của Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng.
- (ii) Đây là khoản phải thu ngân sách Nhà nước sau khi quyết toán dự án “Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc của Công ty” (dự án sử dụng ngân sách Nhà nước) được duyệt theo quyết định số 3064/QĐ-UBND.TPHCM ngày 14/6/2016 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.
- (iii) Đây là khoản Công ty đã chỉ vượt quỹ lương trong giai đoạn là Công ty TNHH MTV (trước thời điểm cổ phần hóa ngày 19/8/2016), chưa quyết toán để ghi nhận vào kết quả kinh doanh với số tiền 4.606.921.103 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.277.806.733	-	670.885.630	-
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 6 tháng - 01 năm	Quá hạn 01 - 03 năm	Quá hạn 02 - 03 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sài Gòn Bay	-	-	-	243.025.000
Angkor Caravan Trading & Investment Co.,Ltd	-	-	-	139.920.000
Tiền lương chi vượt giai đoạn là Công ty TNHH MTV	-	-	-	4.606.921.103
Các đối tượng khác	-	-	-	287.940.630
Tổng	-	-	-	5.277.806.733

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.320.775.723	-	3.765.837.181	-
Công cụ, dụng cụ	47.476.270	-	45.895.492	-
Hàng hóa	1.172.434.645	-	218.545.444	-
Hàng gửi bán	953.421.310	-	953.421.310	-
Tổng	5.494.107.948	-	4.983.699.427	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	173.655.248	3.520.863.258
Chi phí giải tỏa Covid 19 chờ phân bổ	-	3.388.113.898
Chi phí bảo hiểm xe	90.659.420	53.695.955
Các chi phí trả trước khác	82.995.828	79.053.405
Dài hạn	10.853.012.721	11.915.757.218
Lợi thế kinh doanh (i)	1.550.361.591	2.140.975.527
Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ (ii)	8.944.963.213	8.944.963.213
Chi phí sửa chữa	-	30.248.878
Chi phí cải tạo văn phòng, bãi xe	79.578.310	327.243.276
Chi phí máy móc, công cụ quản lý	162.846.254	268.378.791
Chi phí khác	115.263.353	203.947.533
Tổng	11.026.667.969	15.436.620.476

- (i) Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện cổ phần hóa Công ty theo các quy định về Cổ phần hóa của Nhà nước và được phân bổ 10 năm kể từ thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần ngày 19/8/2016.
- (ii) Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ được ghi nhận theo Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty. Khi ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ tiến hành phân bổ giá trị tiền thuê đất trên theo thời gian thuê thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	127.139.459.921	6.299.561.371	823.251.940.524	11.867.215.603	2.181.055.162	970.739.232.581
Tăng trong năm	120.800.000	-	12.987.135.868	50.000.000	1.273.831.818	14.431.767.686
Mua trong năm	120.800.000		12.987.135.868	50.000.000	1.273.831.818	14.431.767.686
Giảm trong năm	-	(1.041.558.823)	(61.728.337.576)	(404.866.836)	(435.641.004)	(63.610.404.239)
Thanh lý nhượng bán	-	(1.041.558.823)	(61.728.337.576)	(404.866.836)	(435.641.004)	(63.610.404.239)
Số dư tại ngày 31/12/2023	127.260.259.921	5.258.002.548	774.510.738.816	11.512.348.767	3.019.245.976	921.560.596.028
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	68.656.134.581	5.173.713.570	510.293.312.124	11.371.180.375	1.442.058.364	596.936.399.014
Tăng trong năm	4.076.546.008	182.222.520	66.449.840.830	442.028.235	258.039.827	71.408.677.420
Khấu hao trong năm	4.076.546.008	182.222.520	66.449.840.830	442.028.235	258.039.827	71.408.677.420
Giảm trong năm	-	(1.022.937.132)	(60.431.054.715)	(404.866.836)	(393.417.681)	(62.252.276.364)
Thanh lý nhượng bán	-	(1.022.937.132)	(60.431.054.715)	(404.866.836)	(393.417.681)	(62.252.276.364)
Số dư tại ngày 31/12/2023	72.732.680.589	4.332.998.958	516.312.098.239	11.408.341.774	1.306.680.510	606.092.800.070
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	58.483.325.340	1.125.847.801	312.958.628.400	496.035.228	738.996.798	373.802.833.567
Tại ngày 31/12/2023	54.527.579.332	925.003.590	258.198.640.577	104.006.993	1.712.565.466	315.467.795.958

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 với giá trị là 131.690.343.483 VND (tại ngày 31/12/2022 là 130.834.072.750 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2023 với giá trị là 79.398.555.154 VND (tại ngày 31/12/2022 là 123.453.183.362 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.779.541.250	2.779.541.250
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>2.779.541.250</u>	<u>2.779.541.250</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.423.535.841	1.423.535.841
Tăng trong năm	245.229.267	245.229.267
Khấu hao trong năm	245.229.267	245.229.267
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>1.668.765.108</u>	<u>1.668.765.108</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	<u>1.356.005.409</u>	<u>1.356.005.409</u>
Tại ngày 31/12/2023	<u>1.110.776.142</u>	<u>1.110.776.142</u>

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án bãi xe cao tầng số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh (i)	664.083.636	664.083.636
Tổng	<u>664.083.636</u>	<u>664.083.636</u>

- (i) Dự án đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ quy hoạch. Khi nhận được phản hồi của Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	84.576.391.297	84.576.391.297	77.654.369.570	77.654.369.570
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	26.384.086.746	26.384.086.746	28.887.525.624	28.887.525.624
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Gia Định	-	-	13.950.750.000	13.950.750.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Đồng Nai	8.429.826.815	8.429.826.815	12.888.591.401	12.888.591.401
Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch Vụ Miền Tây	-	-	12.421.500.000	12.421.500.000
Chi nhánh Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xí nghiệp Cơ Khí Ô Tô An Lạc	38.265.525.639	38.265.525.639	186.180.958	186.180.958
Các nhà cung cấp khác	11.496.952.097	11.496.952.097	9.319.821.587	9.319.821.587
b) Dài hạn	26.410.000.000	26.410.000.000	50.743.000.000	50.743.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Gia Định	-	-	45.010.000.000	45.010.000.000
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	-	-	5.733.000.000	5.733.000.000
Chi nhánh Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xí nghiệp Cơ Khí Ô Tô An Lạc	26.410.000.000	26.410.000.000	-	-
Tổng	110.986.391.297	110.986.391.297	128.397.369.570	128.397.369.570
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)</i>	<i>64.888.303.723</i>	<i>64.888.303.723</i>	<i>18.590.799.746</i>	<i>18.590.799.746</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	15.881.564.649	15.386.562.949	11.226.320.627	20.041.806.971
Thuế GTGT	966.986.467	5.042.823.653	5.171.841.902	837.968.218
Thuế tài nguyên	456.320	5.372.800	5.372.800	456.320
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	11.505.305.562	10.329.366.496	6.040.105.925	15.794.566.133
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (i)	3.408.816.300	9.000.000	9.000.000	3.408.816.300
Phải thu	1.057.389.091	1.286.096.025	1.265.244.101	1.036.537.167
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	960.116.433	-	-	960.116.433
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	97.272.658	1.286.096.025	1.265.244.101	76.420.734

- (i) Số phải trả được ghi nhận theo Báo cáo Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước khi thực hiện cổ phần hóa và sẽ được nộp vào Ngân sách Nhà nước khi Công ty nhận được khoản tiền thanh toán số còn lại về quyết toán vốn ngân sách đầu tư “Dự án xây dựng văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn” từ Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 5.4).

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay	5.324.986	25.964.335
Chi phí tiền thuê đất	5.067.659.690	-
Tổng	5.072.984.676	25.964.335

5.14 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	1.558.383.773	4.247.304.741
Kinh phí công đoàn	89.765.760	327.303.745
Bảo hiểm thất nghiệp	-	13.856.382
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.074.742.016	957.979.776
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên	-	2.600.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	393.875.997	348.164.838
Dài hạn	1.445.527.460	990.160.468
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.445.527.460	990.160.468
Tổng	3.003.911.233	5.237.465.209

*Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan
(chi tiết xem thuyết minh 7.3)*

- 2.600.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2023		Trong kỳ		01/01/2023		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.371.689.655	9.371.689.655	10.512.500.000	31.213.745.469	30.072.935.124	30.072.935.124	
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP . Hồ Chí Minh (i)	1.607.689.655	1.607.689.655	2.048.500.000	10.225.800.000	9.784.989.655	9.784.989.655	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm	-	-	700.000.000	3.327.400.000	2.627.400.000	2.627.400.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng	-	-	-	9.896.545.469	9.896.545.469	9.896.545.469	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng (ii)	7.764.000.000	7.764.000.000	7.764.000.000	7.764.000.000	7.764.000.000	7.764.000.000	
Vay dài hạn	1.934.700.000	1.934.700.000	-	9.812.500.000	11.747.200.000	11.747.200.000	
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước TP . Hồ Chí Minh (i)	-	-	-	2.048.500.000	2.048.500.000	2.048.500.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng (ii)	1.934.700.000	1.934.700.000	-	7.764.000.000	9.698.700.000	9.698.700.000	
Tổng	11.306.389.655	11.306.389.655	10.512.500.000	41.026.245.469	41.820.135.124	41.820.135.124	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

(i) Vay Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay sau:

Hợp đồng vay số 88/2016/HDTD-DTTC-TD ngày 17/7/2016:

- Mục đích vay: Thực hiện Giai đoạn 2 “Dự án thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại TP. Hồ Chí Minh, 29 xe buýt CNG”.
- Hạn mức cho vay: 55.825.000.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư giai đoạn 2 của dự án.
- Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/9/2016 là 8,675% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/07, ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 10 tháng (loại trả lãi sau) của 04 ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản hình thành từ dự án là 29 xe buýt CNG. Toàn bộ nguồn thu từ dự án, trợ giá, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà nước.
- Số dư nợ đến hạn trả tại ngày 31/12/2023 là: 1.607.689.655 VND.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng vay số 0008/DADT-KNDN/18 ngày 15/03/2018:

- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án thay đổi xe buýt mới trên tuyến xe buýt Bến xe quận 8 - Bến xe Miền Đông và Bến xe Miền Tây - Gò Vấp.
- Hạn mức cho vay: 54.342.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư (đã bao gồm VAT).
- Thời hạn cho vay: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất: Áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lại sau bình quân của 4 Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2.34%/năm.
- Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản là: 34 xe ô tô khách thành phố mới 100%, nhãn hiệu SAMCO CITY 1.51 CNG và 5 xe ô tô khách thành phố mới 100%, nhãn hiệu SAMCO CITY H68 CNG lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2017.
- Số dư tại ngày 31/12/2023 là: 9.698.700.000 VND, trong đó: Nợ đến hạn trả là: 7.764.000.000 VND, nợ dài hạn chưa đến hạn trả là: 1.934.700.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	600.000.000.000	(318.883.764.986)	281.116.235.014
Lãi trong năm trước	-	15.015.018.098	15.015.018.098
Số dư tại ngày 31/12/2022	600.000.000.000	(303.868.746.888)	296.131.253.112
Số dư tại ngày 01/01/2023	600.000.000.000	(303.868.746.888)	296.131.253.112
Lãi trong năm nay	-	35.020.619.225	35.020.619.225
Số dư tại ngày 31/12/2023	600.000.000.000	(268.848.127.663)	331.151.872.337

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	49,0%	29.400.000	294.000.000.000	49,0%	29.400.000	294.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	24,0%	14.427.400	144.274.000.000	24,0%	14.427.400	144.274.000.000
Ông Phạm Anh Hưng	15,0%	9.000.000	90.000.000.000	15,0%	9.000.000	90.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	7,5%	4.500.000	45.000.000.000	7,5%	4.500.000	45.000.000.000
Các cổ đông khác	4,5%	2.672.600	26.726.000.000	4,5%	2.672.600	26.726.000.000
Tổng	100%	60.000.000	600.000.000.000	100%	60.000.000	600.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	600.000.000.000	600.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	600.000.000.000	600.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	61.619.964.309	46.137.639.219
Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	453.590.728.058	439.128.890.154
Tổng	515.210.692.367	485.266.529.373
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan (Chi tiết xem thuyết minh 7.3)</i>	<i>6.679.477.596</i>	<i>6.879.237.503</i>

(i) Công ty ghi nhận Doanh thu trợ giá buýt từ Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng theo đơn giá quy định tại hợp đồng đặt hàng số 71/HĐ-TT ngày 10/5/2023. Doanh thu trợ giá mới quyết toán đến hết năm 2013. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	59.846.013.753	45.287.294.822
Giá vốn cung cấp dịch vụ	370.109.845.171	379.774.239.980
Tổng	429.955.858.924	425.061.534.802

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.723.282.148	1.144.927.653
Tổng	3.723.282.148	1.144.927.653

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	1.394.440.110	3.261.037.201
Tổng	1.394.440.110	3.261.037.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên	1.087.643.525	615.413.411
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	148.291.139	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	126.790.203	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	696.542.114	195.771.196
Tổng	2.059.266.981	811.184.607

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.534.069.283	10.496.792.293
Chi phí vật liệu quản lý	172.067.537	218.661.380
Chi phí đồ dùng văn phòng	619.562.814	882.304.377
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.788.566.360	3.081.397.425
Thuế phí và lệ phí	28.543.403.972	25.491.244.696
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.606.921.103	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.606.978.412	3.836.651.454
Chi phí bằng tiền khác	130.630.000	6.000.000
Tổng	53.002.199.481	44.013.051.625

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác	4.336.870.192	4.782.258.349
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	2.846.930.859	3.277.377.060
Tiền điện, nước cho thuê tài sản	1.125.101.511	1.022.443.131
Các khoản khác	364.837.822	482.438.158
Chi phí khác	1.838.459.986	3.031.889.042
Chi phí khấu hao trong thời gian tạm ngừng hoạt động	-	1.464.345.283
Tiền điện nước thu cho thuê tài sản	973.290.516	917.244.310
Phân bổ lợi thế kinh doanh	590.613.936	590.613.936
Các khoản phạt chậm nộp thuế, lãi chậm nộp tiền thuê đất	10.403.393	26.660.513
Các khoản khác	264.152.141	33.025.000
Lợi nhuận khác	2.498.410.206	1.750.369.307



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	35.020.619.225	15.015.018.098
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	5.359.558.697	4.991.200.200
Các khoản chi không được trừ	5.359.558.697	4.991.200.200
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	40.380.177.922	20.006.218.298
Các khoản lỗ được kết chuyển	(40.380.177.922)	(20.006.218.298)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	-	-

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.020.619.225	15.015.018.098
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.020.619.225	15.015.018.098
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm(cổ phiếu)	60.000.000	60.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	584	250

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.887.295.615	133.758.943.324
Chi phí nhân công	142.151.777.078	144.423.850.059
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.653.906.687	75.045.278.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.179.377.178	46.914.201.835
Chi phí khác bằng tiền	28.692.033.972	25.497.244.696
Tổng	420.564.390.530	425.639.518.277



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết

Căn cứ vào các hợp đồng thuê đất của Công ty, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	9.217.402.831	4.890.060.166
Từ trên 1 năm đến dưới 5 năm	4.994.519.040	3.805.347.840
Trên 5 năm	47.031.720.960	36.785.029.120
Tổng	61.243.642.831	45.480.437.126

Chi tiết các khoản thanh toán nêu trên bao gồm:

Tổng số tiền thuê 774,2 m² đất tại 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 1.612.800 VND/m²/năm theo hợp đồng thuê số 3744/HĐ-STNMT-QLĐ thời hạn 50 năm tính từ ngày 19/8/2016.

Tổng tiền thuê 27.476,9 m² đất tại 01 Phạm Hồng Thái, phường 02, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 2.311,8 m² đất là đất thương mại, dịch vụ, cửa hàng mua bán và diện tích 712,8 m² là đất trạm nạp khí, trạm xăng dầu với giá thuê lần lượt là 1.182.104 VND/m²/năm và 671.933 VND/m²/năm theo hợp đồng thuê số 10134/HĐ-STNMT-QLĐ ký ngày 22/10/2018.

Tổng tiền thuê 6.879,5 m² đất tại 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 255 m² đất là đất thương mại, dịch vụ và diện tích 6.624,5 m² là đất bến bãi đậu xe buýt với giá thuê lần lượt là 1.544.928 VND/m²/năm và 658.627 VND/m²/năm theo hợp đồng thuê số 3743/HĐ-STNMT-QLĐ ký ngày 19/5/2019.

7.2 Thông tin về tranh chấp hợp đồng

Theo Quyết định số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 03/3/2023 của Tòa án Nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tiếp tục giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 07/2021/TLST-KDTM ngày 15/3/2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán xe ô tô do Công ty là nguyên đơn. Theo quyết định này, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Yêu cầu Tòa án căn cứ Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy các Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an thành phố Hà Nội đã cấp cho Công ty TNHH GB Hà Nội gồm 04 xe mang biển số 29B.60317; 29B 60514; 29B60611; 29B60539.

- Yêu cầu Tòa án căn cứ Điều 124 khoản 2, Điều 407 Bộ luật Dân sự: Tuyên vô hiệu đối với Hợp đồng thế chấp tài sản; Hợp đồng đăng ký giao dịch bảo đảm đối với 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loại 47 ghế ngồi với biển số: 29B.60317; 29B 60514; 29B60611; 29B60539.

- Tuyên xử chấm dứt Hợp đồng mua bán xe ô tô số 751/HĐMB-SGB-GB-2015 ký ngày 11/5/2015 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 09/3/2016 giữa Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn và Công ty TNHH GB Hà Nội đối với 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loại 47 ghế ngồi có số khung: 246AG000041, 246AG000042, 246AG000043, 246AG000044 do các bên chưa thanh toán giao nhận tiền, tài sản chưa được các bên giao nhận.

- Công nhận quyền sở hữu 04 xe ô tô khách hiệu Satraco loại 47 ghế ngồi có số khung: 246AG000041, 246AG000042, 246AG000043, 246AG000044 thuộc Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn và Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn tiếp tục thực hiện quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Tòa án đang trong quá trình thụ lý hồ sơ, Công ty chưa nhận được phán quyết cuối cùng của Tòa án nên chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (có thể có) từ khoản phải thu Công ty TNHH GB Hà Nội trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin về tranh chấp hợp đồng (Tiếp theo)

Tại ngày 20/11/2023, Tòa án Nhân dân Thành phố Thủ Đức đã thụ lý hồ sơ số 472/2023/TLST-KDTM giữa Công ty và Công ty cổ phần An toàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 405/XKDG-PVS ký ngày 26/3/2018 do Công ty là nguyên đơn. Theo quyết định này, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Yêu cầu Tòa án giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa Công ty và Công ty cổ phần An toàn Dầu khí Việt Nam theo hợp đồng Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 405/XKDG-PVS ký ngày 26/3/2018.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết quyền và nghĩa vụ liên quan đến các khoản công nợ Công ty đang ghi nhận đến ngày 15/03/2023 với Công ty cổ phần An toàn Dầu khí Việt Nam như sau: Phải trả nhà cung cấp với số tiền là 837.114.162 VND, người mua trả tiền trước với số tiền là 1.058.621.080 VND, nhận ký quỹ, ký cược dài hạn với số tiền là 500.000.000 VND.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Tòa án đang trong quá trình thụ lý hồ sơ, Công ty chưa nhận được phán quyết cuối cùng của Tòa án nên chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (có thể có) đối với Công ty cổ phần An toàn Dầu khí Việt Nam trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

<u>Đối tượng</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xí nghiệp Cơ khí ô tô chuyên dùng An Lạc	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xí Nghiệp Cơ khí ô tô An Lạc	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO
Chi nhánh Công ty TNHH Toyotsu Safety & Automotive Components (Việt Nam) tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xí nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ Ô tô	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xí Nghiệp Đầu tư Xây dựng Đô Thành	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO
Công ty Cổ phần New City Rent A Car	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô
Công ty TNHH New City Rental	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô
Công ty Cổ phần Easy Car	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO
Ông Phạm Anh Hưng	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Văn Thành	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao của Hội đồng Quản trị

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Trần Long	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Trần Lâm	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thư ký Hội đồng Quản trị	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Phan Minh Hiếu	Nguyên Người phụ trách quản trị	-	12.000.000
Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Người phụ trách quản trị (Bổ nhiệm ngày 14/4/2023)	27.000.000	-
Tổng		615.000.000	600.000.000

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn Quốc Soạn	Trưởng ban	300.000.000	300.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Vũ Thị Hồng Cẩm	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Tổng		420.000.000	420.000.000

Lương và các lợi ích khác Ban Điều hành, Kế toán trưởng

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Tổng Giám đốc	771.500.000	586.500.000
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc	631.500.000	510.353.977
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc	631.500.000	521.500.000
Ông Nìm Vuồn Phu	Phó Tổng Giám đốc	631.500.000	521.500.000
Ông Bùi Đức Thọ	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	270.500.000	521.500.000
Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Kế toán trưởng kiêm người phụ trách quản trị	561.500.000	456.500.000
Tổng		3.498.000.000	3.117.853.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Easy Car	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô	3.848.665.600	2.160.488.180
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ	95.292.692	-
Tổng		3.943.958.292	2.160.488.180
Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải trả người bán			
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ	65.028.255	29.006.182
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	-	18.154.500.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xí Nghiệp Cơ khí ô tô An Lạc	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	64.675.525.639	186.180.958
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	-	800.000
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	36.644.637	35.149.487
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	17.716.680	17.415.500
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	39.546.192	39.929.574
Công ty Cổ phần New City Rent A Car	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô	25.920.000	36.700.000
Công ty Cổ phần Easy Car	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô	922.320	64.118.045
Công ty TNHH New City Rental	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô	27.000.000	27.000.000
Tổng		64.888.303.723	18.590.799.746
Phải trả khác			
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ	-	2.600.000.000
Tổng		-	2.600.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ	Cung cấp dịch vụ	777.515.203	22.388.886
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Cung cấp dịch vụ	-	111.828.704
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Cung cấp dịch vụ	-	213.240.741
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Cung cấp dịch vụ	16.096.418	41.327.778
Công ty Cổ phần Easy Car	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô	Cung cấp dịch vụ	3.419.121.632	4.296.250.836
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xí Nghiệp Cơ khí ô tô An Lạc	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Cung cấp dịch vụ	939.876.094	954.962.963
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xí nghiệp Cơ khí ô tô chuyên dùng An Lạc	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Cung cấp dịch vụ	461.867.845	498.539.351
Công ty Cổ phần New City Rent A Car	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô	Cung cấp dịch vụ	335.969.091	50.425.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	Cung cấp dịch vụ	10.909.091	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xí nghiệp Công nghiệp và Dịch vụ Ô tô	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Cung cấp dịch vụ	630.233.333	690.273.244
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xí Nghiệp Đầu tư Xây dựng Đô Thành	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Cung cấp dịch vụ	87.888.889	-
Tổng			6.679.477.596	6.879.237.503

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng và thuê dịch vụ				
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Thuê dịch vụ bến bãi	426.538.406	385.406.019
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Thuê dịch vụ bến bãi	210.434.701	214.725.841
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Thuê dịch vụ bến bãi	390.849.707	370.475.523
Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Mua hàng hóa dịch vụ	7.277.900	7.761.150
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH MTV - Xí Nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Mua hàng hóa dịch vụ	868.488.778	591.910.148
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (Tổng Công ty SAMCO)	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ	Mua hàng hóa dịch vụ	431.845.321	306.337.876
Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Xí nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành	Công ty cùng Tổng Công ty SAMCO	Mua tài sản cố định	940.495.909	
		Mua hàng hóa dịch vụ	42.046.527	1.063.212.488
Công ty Cổ phần Easy Car	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô	Mua hàng hóa dịch vụ	51.287.600	6.005.000
Công ty TNHH New City Rental	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô	Mua hàng hóa dịch vụ	310.545.455	312.180.000
Công ty Cổ phần New City Rent A Car	Công ty cùng Tập đoàn Tân Thành Đô	Mua hàng hóa dịch vụ	288.000.000	300.720.000
Tổng			3.967.810.304	3.558.734.045



7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Vân Anh

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Giao Thuyết

Tổng Giám đốc



Phạm Hoàng Hiệp

Số: 01 /BC-BKS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN NĂM 2023**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn (Điều lệ Công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam ngày 8 tháng 3 năm 2024.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo một số nội dung như sau:

I/- Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023:

1. Ban kiểm soát hoạt động gồm ba (03) thành viên.
2. Lương, thù lao và chi phí hoạt động năm 2023 của từng thành viên BKS:
Lương, thù lao và chi phí hoạt động năm 2023 của từng thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 51 Điều lệ Công ty. Cụ thể:
 - Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 25 triệu đồng/người/tháng
 - Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 05 triệu đồng/người/tháng
3. Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định tại Điều lệ Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:
 - Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với HĐQT, Ban Điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
 - Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua ngày 07/04/2023.
 - Tham gia các cuộc họp của HĐQT.
 - Triển khai thực hiện đợt kiểm soát hoạt động năm 2023 tại trụ sở Công ty và các Phòng ban, Xí nghiệp trực thuộc với các nội dung sau:
 - + Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2018, 2019 và 2020, 2021, 2022 chuyển qua và Nghị quyết của năm 2023.
 - + Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2023.
 - + Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 và báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

II/- Kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2023:

1/- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT:

1.1. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành trong năm 2018 và tiếp tục thực hiện trong năm 2023: 03 Nghị quyết

* Nghị quyết/Quyết định của HĐQT chưa thực hiện xong: 03 Nghị quyết

- Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT/SGB ngày 16/03/2018 về kế hoạch thực hiện dự án tại Bãi xe 592 Cộng Hòa và Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT/SGB ngày 22/06/2018 về thống nhất chủ trương triển khai đầu tư xây dựng bãi đậu xe tầng cao tầng kết hợp các loại hình khác tại khu đất số 592 đường Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình.

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT/SGB ngày 16/03/2018 về chủ trương xây dựng mới trạm nạp khí CNG tại Bãi xe Lạc Long Quân: việc triển khai đầu tư theo chủ trương đã được HĐQT thống nhất thông qua nhưng chưa thực hiện được là do Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nên chưa xin được giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT/SGB ngày 16/03/2018 về kế hoạch thực hiện dự án tại Bãi xe Phố Quang: chưa thực hiện.

1.2. Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT ban hành trong năm 2019 và tiếp tục thực hiện trong năm 2023: 01 Quyết định

- Quyết định số 13/QĐ-HĐQT/SGB ngày 20/9/2019 về việc triển khai xây dựng công trình Văn phòng và nhà để xe Phan Văn Trị

1.3. Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành trong năm 2020 và tiếp tục thực hiện trong năm 2023: 02 Quyết định và 01 Thông báo.

- Quyết định số 18/QĐ-HĐQT/SGB ngày 29/6/2020 về thuê đơn vị tư vấn có chức năng xây dựng Quy chuẩn địa phương về Bãi kỹ thuật xe buýt theo Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006;

- Thông báo số 27/TB-HĐQT/SGB ngày 27/11/2020 về phương án đầu tư phương tiện, tham gia đấu thầu gói thầu buýt và thực hiện các dự án bến bãi;

- Quyết định số 29/QĐ-HĐQT/SGB ngày 27/11/2020 về đầu tư xây dựng trạm nạp khí CNG tại bãi xe Lạc Long Quân.

1.4. Tình hình thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành trong năm 2023

Năm 2023, HĐQT Công ty đã ban hành và thực hiện xong 12 NQ, QĐ (trong đó: 10 NQ, 02 QĐ). Cụ thể:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tình hình thực hiện
1	01/QĐ-HĐQT/SGB	06/02/2023	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	Đã thực hiện
2	02/NQ-HĐQT/SGB	14/4/2023	Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan	Đã thực hiện
3	03/QĐ-HĐQT/SGB	14/4/2023	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Đã thực hiện
4	04/NQ-HĐQT/SGB	23/5/2023	Thực hiện thanh toán số công nợ còn lại của Hợp đồng số 1428/2019/SGB-MITACO-GIADICO ký ngày 18/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn và liên danh Công ty Cổ phần Xe khách và Dịch vụ Miền Tây - Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Gia Định	Đã thực hiện
5	05/QĐ-HĐQT/SGB	03/7/2023	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Đã thực hiện
6	06/NQ-HĐQT/SGB	01/8/2023	Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Đã thực hiện
7	07/NQ-HĐQT/SGB	01/8/2023	Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Đã thực hiện

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tình hình thực hiện
8	08/NQ-HĐQT/SGB	30/8/2023	Về kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2023	Đã thực hiện
9	09/NQ-HĐQT/SGB	07/9/2023	Về việc thông qua nội dung trình ĐHĐCĐ bất thường và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Đã thực hiện
10	10/QĐ-HĐQT/SGB	07/9/2023	Về việc điều chỉnh loại chứng khoán	Đã thực hiện
11	11/NQ-HĐQT/SGB	16/10/2023	Về việc tham gia các gói thầu cung ứng sản phẩm dịch vụ công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và đầu tư phương tiện	Đã thực hiện
12	12/NQ-HĐQT/SGB	14/12/2023	Về việc tham gia các gói thầu cung ứng sản phẩm dịch vụ công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và đầu tư phương tiện	Đã thực hiện

1.5. Trong năm 2023, ĐHĐCĐ bất thường ban hành Nghị quyết số 777/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 22/9/2023 thông qua việc đầu tư phương tiện và thực hiện tất cả các nội dung liên quan đến các gói thầu cung ứng sản phẩm dịch vụ công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (các tuyến xe buýt số 6, 10, 50, 52, 91; 48, 78, 79; 46, 47, 84; 29, 57, 99, 141; 16, 41, 61, 73, 151; 68, 86, 102) trong trường hợp Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn trúng thầu và Nghị quyết số 778/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 22/9/2023 của ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thông qua việc tham gia các gói thầu cung ứng sản phẩm dịch vụ công cộng bằng xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (các tuyến xe buýt số 6, 10, 50, 52, 91; 48, 78, 79; 46, 47, 84; 29, 57, 99, 141; 16, 41, 61, 73, 151; 68, 86, 102).

2/- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã có Nghị quyết số: 235/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 07/04/2023, trong đó có các nội dung chính như sau:

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Bảng số 01: Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023

Stt	Chỉ tiêu	KH năm 2023 ¹ (Triệu đồng)	TH năm 2023 (Triệu đồng)	Tỷ lệ TH 2023/KH 2023 (%)
1.	Tổng doanh thu	571.821	523.270	91,51%
2.	Chi phí, trong đó:	550.000	488.250	88,77%
	<i>Quỹ lương của NLĐ</i>	<i>175,375</i>	<i>122.600</i>	<i>69%</i>
	<i>Quỹ lương của Ban Tổng Giám đốc, KTT</i>	<i>3.859</i>	<i>3.490</i>	<i>90%</i>

¹ Theo Nghị quyết số 235 /NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 7/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Stt	Chỉ tiêu	KH năm 2023 ¹ (Triệu đồng)	TH năm 2023 (Triệu đồng)	Tỷ lệ TH 2023/KH 2023 (%)
3.	Lợi nhuận trước thuế	21.821	35.020	160,48%
4.	Vốn điều lệ	600.000	600.000	100,00

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 đạt 523.269 triệu đồng đạt 91,51% so với kế hoạch.

- Tổng chi phí thực hiện năm 2023 đạt 488.249 triệu đồng, giảm 11,22% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế: Công ty lãi 35.020 triệu đồng.

- Theo kế hoạch 2023: Công ty dự kiến lãi 21.821 triệu đồng.

- Thực hiện năm 2023 Công ty lãi 35.020 triệu đồng tăng 60,48% so với kế hoạch.

2.2. Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023: Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

3. Đánh giá kết quả quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2023

a. Tình hình hoạt động SXKD năm 2023

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cụ thể như sau:

Bảng số 2: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023
(Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023)

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	TH 2023	So sánh TH 2023 so với TH 2022	
				+/-	%
1. Tổng doanh thu	Đồng	491.193.715.375	523.270.844.707	32.077.129.332	106,53
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	485.266.529.373	515.210.692.367	29.944.162.994	106,17
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	1.144.927.653	3.723.282.148	2.578.354.495	325,43
Thu nhập khác	Đồng	4.782.258.349	4.336.870.192	(445.388.157)	90,67
2. Tổng chi phí	Đồng	476.178.697.277	488.250.225.482	12.071.528.205	102,53
Giá vốn hàng bán	Đồng	425.061.534.802	429.955.858.924	4.894.324.122	101,15
Chi phí tài chính	Đồng	3.261.037.201	1.394.440.110	(1.866.597.091)	42,74
Chi phí bán hàng	Đồng	811.184.607	2.059.266.981	1.248.082.374	253,88
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	44.013.051.625	53.002.199.481	8.989.147.856	120,42
Chi phí khác	Đồng	3.031.889.042	1.838.459.986	(1.193.429.056)	60,64
3. Lợi nhuận trước thuế	Đồng	15.015.018.098	35.020.619.225	20.005.601.127	233,23
4. Thuế TNDN	Đồng	0	0	0	0
5. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	15.015.018.098	35.020.619.225	20.005.601.127	233,23
6. Tổng tài sản	Đồng	529.897.615.520	513.529.219.769	(16.368.395.751)	96,92
7. Vốn chủ sở hữu	Đồng	296.131.253.112	331.151.872.337	35.020.619.225	111,82

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 tăng 6,53 % so với thực hiện năm 2022.
Trong đó:

- + Doanh thu hoạt động kinh doanh chính tăng 6,17% .
- + Doanh thu tài chính tăng 225,43%.
- + Thu nhập khác giảm 9,33% .
- Chi phí thực hiện năm 2023 tăng 2,53% so với thực hiện năm 2022. Trong đó:
 - + Giá vốn tăng 1,15% .
 - + Chi phí tài chính giảm 57,26%.
 - + Chi phí bán hàng tăng 153,88%.
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 20,42%.
 - + Chi phí khác giảm 39,36%
- Lợi nhuận trước thuế: lãi 35.020.619.225 đồng.
- Lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2023 là: 268.848.127.663 đồng.

b. Tình hình đầu tư tài chính và góp vốn vào doanh nghiệp khác: Không có

c. Tình hình đầu tư, mua sắm TSCĐ: Trong năm đơn vị có đầu tư mua sắm là: 14.431.767.686 đồng. Trong đó: Phương tiện vận tải với trị giá: 12.987.135.868 đồng và TSCĐ khác với trị giá: 1.444.631.818 đồng.

d. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

- Vốn góp của chủ sở hữu: 600.000.000.000 đồng
- Tổng tài sản năm 2023: 513.529.219.769 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023: lãi 35.020.619.225 đồng
- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE): dương

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA): dương

Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của Công ty lũy kế bị lỗ, Công ty vẫn chưa bảo toàn được vốn.

e. Tình hình cân đối tài chính:

Thông qua chỉ tiêu vốn lưu động thuần (tài sản ngắn hạn: 185.433.551.312 đồng > nợ ngắn hạn: 152.587.119.972 đồng) cho thấy Công ty cân đối được tài chính.

III. Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

1. Các chỉ tiêu tài chính đến ngày 31/12/2023:

Khoản mục	Giá trị (triệu đồng)
Vốn điều lệ	600.000
Tổng doanh thu	523.270
Lợi nhuận trước thuế	35.020
Lợi nhuận sau thuế	35.020

- Tài sản:

Chỉ tiêu	Đơn vị (triệu đồng)
I. Tài sản ngắn hạn	185.433
1. Tiền và các khoản tương đương	49.960

Chỉ tiêu	Đơn vị (triệu đồng)
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.500
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	70.269
4. Hàng tồn kho	5.494
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.210
II. Tài sản dài hạn	328.095
1. Các khoản phải thu dài hạn	0
2. Tài sản cố định	316.578
3. Tài sản dở dang dài hạn	664
4. Tài sản dài hạn	10.853
Tổng cộng tài sản	513.529

- Nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Đơn vị (triệu đồng)
I. Nợ phải trả	182.377
1. Nợ ngắn hạn	152.587
2. Nợ dài hạn	29.790
II. Vốn chủ sở hữu	331.152
1. Vốn góp chủ sở hữu	600.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	-268.848
III. Nguồn kinh phí và quỹ khác	0
Tổng cộng nguồn vốn	513.529

2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại thời điểm ngày 31/12/2023
1.	Cơ cấu tài sản		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	63,88
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	36,12
2.	Cơ cấu nguồn vốn		
	Nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	0,55
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	35,52
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	64,47
3.	Khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/(Nợ ngắn hạn)	Lần	1,17

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại thời điểm ngày 31/12/2023
	Khả năng thanh toán hiện hành (<i>TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,21
4.	Hiệu quả		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	6,81%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	6,79 %
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	10,57%

- Trong năm 2023 Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

3. Phân tích cân đối tài chính của doanh nghiệp:

Thông qua chỉ tiêu vốn lưu động thuần (tài sản ngắn hạn > nợ ngắn hạn) cho thấy Công ty đã cân đối được tài chính.

- Cơ cấu nguồn vốn:

Tại ngày 31/12/2023, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,55 lần cho thấy tài sản của Công ty được tài trợ chủ yếu bởi nguồn vốn chủ sở hữu.

- Hệ số khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán hiện hành đạt 1,21 lần cho thấy Công ty đủ khả năng thanh toán ngay lập tức toàn bộ khoản nợ ngắn hạn, không gặp khó khăn nếu phải thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

Khả năng thanh toán hiện nhanh đạt 1,17 lần cho thấy doanh nghiệp không gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ.

- Các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh:

Năm 2023 Công ty lãi nên các chỉ tiêu về ROA, ROS và ROE đều dương cho thấy Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

4. Kiểm tra chi tiết các khoản mục trong Báo cáo tài chính năm 2023:

(Đính kèm bảng kê kiểm tra các khoản mục)

5. Một số lưu ý:

- Doanh thu dịch vụ và khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tương ứng của Công ty với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng về trợ giá xe buýt mới được quyết toán đến hết năm 2013. Doanh thu trợ giá này được ghi nhận dựa trên đơn giá quy định trong hợp đồng đặt hàng đã ký với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng. Ngoài ra, các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng chưa được thanh lý từ năm 2009 đến nay. Do đó, doanh thu trợ giá và các khoản phải thu này sẽ thay đổi khi có quyết toán chính thức của các cơ quan ban ngành có liên quan.

- Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 19/8/2016. Tại ngày lập Báo cáo, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện xong công việc Kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước và đã có Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của Công ty theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND TP.HCM về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn-TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần. Công ty đã hoàn thành Hồ sơ Quyết toán vốn Nhà nước theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyết toán vốn Nhà nước được phê duyệt cuối cùng có thể làm thay đổi giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận của Công ty. Các điều chỉnh có

liên quan, nếu có sẽ được Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

- Ngoài những ý kiến nêu trên, báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác

- HĐQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát, Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty khi có yêu cầu.

- HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động SXKD.

V. Hoạt động khác của Ban kiểm soát:

Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo pháp luật, các chế độ, quyền lợi của CBCNV, lao động được thực hiện theo đúng Luật Lao động, Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV;
- Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ, đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, từ trần, ốm đau, bệnh tật được kịp thời, đầy đủ, chính xác.

VI. Kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát:

A. Nhận xét:

- Năm 2023, hoạt động Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại TP.HCM vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng sau đại dịch Covid-19, sản lượng hành khách vẫn giảm, giá nhiên liệu liên tục tăng, các đơn vị hoạt động xe buýt liên tục bị lỗ do không đạt được sản lượng đặt hàng; Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có rất nhiều cố gắng thực hiện nhiều giải pháp để hoàn thành và hoàn thành vượt mức mà Nghị Quyết số: 235/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 07/04/2023 của Đại Hội đồng cổ đông giao cho như: Giảm định mức nhiên liệu, tiết kiệm tối đa các khoản chi phí như văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu, công cụ dụng cụ...vv..; Đẩy nhanh việc thanh lý TSCĐ; Tìm kiếm các đối tác thuê văn phòng tại 39 Hải Thượng Lãn Ông Quận 5, TP.HCM; Duy trì và tăng cường các hợp đồng cho thuê bến bãi; Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải và du lịch đã mở rộng các tuyến, đối tượng thuê xe mới như: Đại học Văn Hiến, Đại học Mở, Đại học Quốc tế, Đại học kinh tế TP.HCM, Đại học Văn Lang, Đại học Ngoại ngữ.; Trung tâm dạy nghề tăng cường dạy nghề, sát hạch hạng A1, đào tạo B2.... để tăng doanh thu. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 là: 35.020 triệu đồng đạt 160,48% so với kế hoạch, tỷ lệ 233,23% so với cùng kỳ năm trước.

- Tài sản ngắn hạn lớn hơn nợ ngắn hạn, Công ty đã cân đối được tài chính.

- Khả năng thanh toán hiện hành đạt 1,21 lần cho thấy Công ty đủ khả năng và không gặp khó khăn nếu phải thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

- Khả năng thanh toán hiện nhanh đạt 1,17 lần cho thấy doanh nghiệp không gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ.

Tuy vậy: Tính đến ngày 31/12/2023, Công ty lũy kế lỗ: 268.848.127.663 đồng Công ty vẫn chưa bảo toàn được vốn.

B. Kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát

1. Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT năm 2018 (03 Nghị quyết), 2019 (01 Quyết định), 2020 (02 Quyết định và 01 Thông báo). Đề nghị HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT còn đang thực hiện dở dang hoặc chưa thực hiện, những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện báo cáo HĐQT để xem xét giải quyết và tháo gỡ; Những Nghị quyết, Quyết định nào không còn phù hợp đề nghị Ban Tổng giám đốc báo cáo HĐQT xem xét để hủy bỏ tránh tồn đọng.

2. Năm 2023 Công ty đạt lợi nhuận 35.020 triệu đồng; Nếu tính lũy kế đến ngày 31/12/2023 Công ty còn lỗ: 268,848 tỷ đồng bằng 44% Vốn góp của chủ sở hữu; Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT, Ban Tổng giám đốc nhanh chóng cơ cấu lại các loại hình SXKD của công ty, tiếp tục tinh giảm bộ máy đảm bảo chất lượng, thực hiện đúng kế hoạch SXKD, cải tiến mở rộng KD các ngành nghề phụ trợ hỗ trợ ngành nghề KD chính, đẩy nhanh các dự án để đưa vào hoạt động có hiệu quả và bảo toàn vốn cho các cổ đông nhất là vốn của cổ đông Nhà nước.

3. Về tiền trợ giá xe buýt: Doanh thu trợ giá hạch toán trong những năm qua dựa trên quy định trong hợp đồng đặt hàng với Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng; Công ty và Trung tâm mới quyết toán đơn giá đến hết năm 2013, từ năm 2014 đến nay chưa quyết toán; Mặt khác các hợp đồng đặt hàng với Trung tâm chưa được thanh lý từ năm 2009 đến nay. Do đó đề nghị Ban Tổng giám đốc làm việc cụ thể với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng để tiến hành quyết toán tiền trợ giá theo đơn giá từ năm 2014 đến nay và thanh lý đầy đủ các các hợp đồng đặt hàng đã ký với Trung tâm từ năm 2009 đến hết năm 2023 để xác định chính xác số tiền trợ giá xe buýt mà công ty được hưởng.

4. Về công nợ của khách hàng và khoản phải thu khác:

Tính đến 31/12/2023 khách hàng còn nợ là: **49.988.926.787 đồng**; Đề nghị Công ty khẩn trương thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng để tránh phát sinh nợ phải thu quá hạn. Cụ thể:

- Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng: 24.220.685.152 đồng. Trong đó:
 - + Khoản tiền trợ giá xe buýt và vé tập: 17.735.985.152 đồng,
 - + Khoản phải thu tiền phạt mất chuyến với số tiền là 6.484.700.000 đồng.
- Công ty TNHH GB Hà Nội: 6.180.000.000 đồng.
- Trường Đại học Mở TP.HCM: 7.123.678.000 đồng.
- Công ty TNHH Jabil Việt Nam: 1.417.355.437 đồng.
- Công ty CP Công nghệ an toàn dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Phan Văn Trị: 1.058.621.080 đồng.
- Sở Giao thông vận tải TP.HCM: 483.320.420 đồng.
- Công ty CP EASY CAR: 3.848.665.600 đồng.
- Trường ĐH Ngoại ngữ tin học: 515.681.100 đồng.
- Công ty Thoát nước đô thị TP.HCM: 427.409.370 đồng.
- Xăng dầu Phan Văn Trị: 424.752.212 đồng.
- Xăng dầu Nguyễn Đình Chiểu: 341.108.384 đồng.
- Đại học Quốc tế: 319.761.000 đồng.
- 71 Khách hàng khác: (DS kèm theo): 3.627.889.112 đồng.

5. Về hợp đồng mua bán với Công ty TNHH TM-DV Thành Tuấn; Theo bản án số 317/2023/KDTM-ST ngày 19/12/2023 của Tòa Án Quận Tân Bình, Công ty Thành

Tuần còn nợ gốc và tiền phạt: 496.022.275 đồng. Đề nghị Công ty khẩn trương có biện pháp thu hồi và hạch toán tăng Doanh thu theo đúng chế độ quy định.

6. Đề nghị Công ty theo dõi và thực hiện thu khoản tiền hỗ trợ lãi vay của NSNN về việc đầu tư xe buýt CNG theo đề án đầu tư giai đoạn 2014 - 2017 của Sở GTVT TP.HCM tính đến 31/12/2023 số tiền là: 933.087.018 đồng

7. Đề nghị Công ty làm việc với Sở Tài chính TP.HCM thanh toán số tiền 9.018.758.070 đồng khoản quyết toán vốn Ngân sách đầu tư “ Dự án xây dựng văn phòng làm việc 39 Hải Thượng Lãn Ông, Quận 5, TP.HCM” đã được KTNN xác nhận; Đồng thời nộp số tiền: 3.408.816.300 đồng là giá trị phần vốn Nhà nước khi thực hiện cổ phần hóa vào NSNN khi đơn vị nhận được khoản thanh toán số còn lại về quyết toán vốn NS đầu tư “ Dự án xây dựng văn phòng làm việc 39 Hải Thượng Lãn Ông, Quận 5, TP.HCM”.

8. Về công nợ tạm ứng: Tính đến ngày 31/12/2023 có 23 trường hợp còn nợ là 4.408.722.291 đồng. Trong đó:

- Nợ quá hạn 09 trường hợp, số tiền: 3.674.842.200 đồng (kèm danh sách).

- Nợ trong hạn 7 trường hợp, số tiền: 733.880.091 đồng.

Đề nghị Ban Tổng giám đốc Công ty có biện pháp tổ chức thu hồi kịp thời số tiền tạm ứng nêu trên.

9. Khoản tiền lương chi vượt trong giai đoạn Công ty TNHH MTV (trước khi cổ phần hóa) được hạch toán số dư bên Nợ của tài khoản 334 với số tiền là 4.606.921.103 đồng. Năm 2023 đơn vị đã trích lập dự phòng, đề nghị Công ty theo dõi cụ thể và hoàn nhập khi thu được số tiền nêu trên.

10. Năm 2023 Công ty có trích Dự phòng khoản tiền lương số tiền : 8.991.450.013 đồng (7,87%/ Quỹ lương thực hiện); Căn cứ Điểm 2.6. C, Điều 4, Thông tư 96/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật thuế TNDN “Trường hợp năm trước doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng tiền lương mà sau 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính doanh nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết quỹ dự phòng tiền lương thì doanh nghiệp phải tính giảm chi phí của năm sau.” Đề nghị Công ty theo dõi và thực hiện theo đúng chế độ cho niên độ năm 2024.

11. Đối với khu đất tại 171 Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, căn cứ Điểm c Khoản 6 Điều 31 được sửa đổi bổ sung Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013, căn cứ Khoản 1 Điều 3 Quyết định 5247/QĐ-UBND ngày 17/10/2015 về việc giao tài sản cố định cho Công ty để thực hiện cổ phần hóa. Số tiền thuê đất trả trước được xác định là giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại địa chỉ 171 Điện Biên Phủ, quyền sử dụng đất này được nhận chuyển nhượng hợp pháp để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty nay thực hiện hình thức thuê đất . Cụ thể số tiền 8.944.963.213 đồng đơn vị đang hạch toán vào chi phí trả trước chưa phân bổ do chưa ký được hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên Môi trường TP.HCM. Đề nghị Công ty theo dõi cập nhật và đôn đốc cung cấp đầy đủ những tài liệu cần thiết cho việc ký hợp đồng đồng thời phân bổ kịp thời.

12. Các khoản nộp NSNN:

- Tiền thuê đất: Công ty đã tạm nộp tiền thuê đất: 14.769.117.846 đồng cho bãi xe số 01 Phạm Hồng Thái, phường 2, Quận Tân Bình và số 592 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. HCM cho *thời gian thuê từ ngày 19/8/2016 đến 28/8/2018* nhưng diện tích đậu xe buýt của 02 bãi xe thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất; Công ty đã làm đầy đủ hồ sơ, thủ tục xin miễn tiền thuê đất nộp cho Cục thuế TP.HCM và đang chờ giải quyết. Đề nghị Công ty theo dõi cập nhật thường xuyên để hoàn lại số tiền thuê đất khi có quyết định miễn giảm. Cục thuế TP.HCM đã có quyết định miễn

tiền thuê đất cho 02 địa điểm trên cho giai đoạn từ ngày 29/8/2018 đến 31/12/2021.

- Thuế TNDN: Đơn vị đã nộp: 960.116.433 đồng cho những năm trước nhưng những năm đó đơn vị quyết toán lỗ; Đề nghị làm việc cụ thể với Cục thuế TP.HCM để xin hoàn lại hoặc cần trừ cho những năm sau.

13 .Một số lưu ý: Về tiền thuê đất của các khu Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu, Lạc Long Quân, Điện Biên Phủ từ lúc Cổ phần hóa đến nay cơ quan thuế mới tính và thu tiền thuê đất theo giá tạm tính. Nếu sau này xác định đơn giá bằng phương pháp đấu giá đất, Sở Tài Nguyên Môi Trường ký hợp đồng; Cơ quan thuế tính tiền thuê đất theo hợp đồng sẽ phát sinh khoản phải nộp chênh lệch tiền thuê đất là rất lớn. Ban kiểm soát báo cáo để HĐQT và Ban điều hành được biết để có những phương án cho những rủi ro đối với chi phí này.

VII. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2024 của Ban kiểm soát:

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2024 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty.
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.
- Giám sát chuyên đề tại các xí nghiệp trực thuộc công ty.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm 2023, kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quốc Soạn

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.
Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

1. Cơ sở lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán có uy tín, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Là đơn vị có các chuyên gia và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán các báo cáo tài chính, theo các quy định của các chuẩn mực kế toán (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam...
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn;
- Có mức phí dịch vụ phù hợp với chất lượng, phạm vi kiểm toán và đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh.

2. Các công ty kiểm toán lựa chọn:

Có 03 Công ty kiểm toán trong danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính công bố trên cổng thông tin điện tử được đề nghị dưới đây, để thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn:

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
2. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam
3. Công ty TNHH DVTV tài chính kế toán và kiểm toán phía nam

3. Đề xuất:

Với các cơ sở lựa chọn nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét thông qua danh sách 03 đơn vị Kiểm toán nêu trên và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn 01 trong 03 đơn vị theo đề xuất của Ban kiểm soát để

thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quốc Soạn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2024

**QUY CHẾ ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ VÀ BẦU CỬ
BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
NHIỆM KỲ II
(theo hình thức bầu dồn phiếu)**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Mục tiêu:

- Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Việc ứng cử, đề cử và bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát (BKS) - tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn được thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Đối tượng áp dụng: cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (sau đây gọi là “cổ đông”) căn cứ theo danh sách cổ đông Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng ngày 25/3/2024 và thành viên Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên Công ty (sau đây gọi là “Ban tổ chức Đại hội”).



Điều 2: Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên bổ sung Ban kiểm soát nhiệm kỳ II

1. Số lượng thành viên BKS bổ sung: là hai (02) thành viên (do có 02 thành viên BKS trong 03 thành viên BKS từ nhiệm).

2. Nhiệm kỳ: bắt đầu từ ngày 25/4/2024 cho đến hết nhiệm kỳ II của BKS và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Điều kiện đề cử, ứng cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên BKS.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

4. Tiêu chuẩn ứng cử viên:

- Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không phải là người quản lý công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty;
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 3: Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử bổ sung thành viên BKS:

- Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử bổ sung thành viên BKS bao gồm:
 - + Đơn ứng cử/đề cử bổ sung thành viên BKS (theo mẫu);
 - + Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
 - + Giấy chứng nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông/nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong 06 tháng gần nhất hoặc giấy tờ tương đương của công ty chứng khoán nơi (nhóm) cổ đông đó mở tài khoản hoặc của tổ chức phát hành (tính đến ngày 25/3/2024 – ngày đăng ký cuối cùng);
 - + Danh sách nhóm cổ đông (trường hợp ứng viên được nhóm cổ đông đề cử);
 - + Bản sao chứng thực: CMND, hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
 - + Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).
 - + Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử).
- Hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử phải được gửi trực tiếp hoặc gửi thư đảm bảo tới Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội (cụ

thể là **trước ngày 15/4/2024**) (tính theo dấu bưu điện nếu hồ sơ được gửi thư đảm bảo, quá thời hạn trên hồ sơ không có giá trị) theo địa chỉ sau:

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

Địa chỉ: lầu 5, Phòng Tổ chức – Hành chính, tòa nhà SaigonBus số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38.546.110

Điều 4: Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên các Đơn ứng cử/đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội sẽ chọn các ứng cử viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn được quy định tại Quy chế này đưa vào danh sách ứng cử viên tham gia bổ sung vào BKS nhiệm kỳ II và HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chỉ những hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên BKS mới được đưa vào danh sách công bố tại Đại hội.

Điều 5: Phương thức bầu cử:

- Việc bầu cử bổ sung thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3, Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều 29 của Nghị định 96/2015/NĐ-CP.

- Mỗi cổ đông được phát **một (01) phiếu bầu cử bổ sung thành viên BKS** cho toàn bộ số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

- Lựa chọn ứng cử viên:

• Cổ đông phải ghi rõ số phiếu bầu cho từng ứng cử viên mà mình lựa chọn vào bên phải tên của các ứng viên được lựa chọn.

- Không lựa chọn ứng viên:

• Nếu không lựa chọn ứng cử viên nào, cổ đông gạch lên cả họ và tên ứng cử viên đó.

• Trường hợp cổ đông không ghi rõ số phiếu bầu vào bên phải tên ứng cử

viên mình lựa chọn thì xem như cổ đông không bầu cho ứng viên đó.

- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông bằng tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền nhân với số thành viên được bầu bổ sung của BKS. Theo đó, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông	=	Tổng số cổ phần sở hữu/ủy quyền của Cổ đông	x	Số lượng thành viên bầu bổ sung vào BKS
--	---	--	---	--

Cụ thể:

Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu của Cổ đông x 2

Ghi chú:

Cổ đông có thể chia số phiếu bầu của mình để bầu cho các ứng cử viên BKS mà mình lựa chọn với số phiếu bầu khác nhau với điều kiện **tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được cao hơn tổng số phiếu bầu của mình có.**

Ví dụ nguyên tắc bầu dồn phiếu:

Cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu tại Đại hội là 1.000 cổ phần, như vậy tổng số phiếu bầu của cổ đông khi thực hiện bầu cho BKS là 1.000 cổ phần x 2 người = 2.000 phiếu bầu.

Cổ đông có thể bầu dồn phiếu cho các ứng viên BKS theo phương thức sau:

Trường hợp 1: cổ đông chia đều tổng số phiếu bầu của mình cho 02 ứng cử viên BKS (tương đương mỗi ứng cử viên được 1.000 phiếu bầu):

Ứng cử viên 1: 1.000 phiếu bầu

Ứng cử viên 2: 1.000 phiếu bầu

Ứng cử viên 3: _____

Cộng: 2.000 phiếu bầu

Trường hợp 2: cổ đông dồn hết tổng số phiếu bầu cho 01 ứng cử viên

Ứng cử viên 1: 2.000 phiếu bầu

Ứng cử viên 2: _____

Ứng cử viên 3: _____

Cộng: 2.000 phiếu bầu

Trường hợp 3: cổ đông không dồn hết tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên

Ứng cử viên 1: 500 phiếu bầu

Ứng cử viên 2: 1.000 phiếu bầu

Ứng cử viên 3: _____

Cộng: 1.500 phiếu bầu

Lưu ý:

Trường hợp cổ đông có sự nhầm lẫn khi ghi Phiếu bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ II (Phiếu bầu cử) và chưa bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để được đổi lại Phiếu bầu cử.

Điều 6: Thủ tục và hình thức tiến hành bầu cử:

1. Phiếu bầu cử:

a. Hình thức phiếu bầu cử:

Phiếu bầu cử bổ sung thành viên BKS được in trên giấy màu xanh có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

b. Nội dung phiếu bầu cử:

- Phần 1: Thể hiện Mã số tham dự đại hội, Tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu, Tổng số phiếu bầu.
- Phần 2: Danh sách ứng cử viên bổ sung thành viên BKS.
- Phần 3: Một số lưu ý quan trọng.

c. Phiếu bầu cử hợp lệ:

- Là các phiếu bầu cử theo mẫu in sẵn do Công ty phát hành, có dấu treo của Công ty, không được tẩy xóa, cạo sửa.
- Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua.
- Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông.
- Số phiếu bầu phải là số nguyên.

d. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định, không do Công ty phát hành hoặc không có dấu treo của Công ty;

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông;
- Phiếu không ghi rõ số phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào trong danh sách ứng cử viên bổ sung thành viên BKS;
- Không ghi số lượng phiếu bầu vào bất kỳ ứng cử viên nào trên Phiếu bầu cử;
- Phiếu bầu cử có số ứng cử viên nhiều hơn số ứng cử viên bổ sung thành viên BKS đã được Đại hội thông qua;
- Phiếu bầu cử không gạch bỏ và/hoặc không chọn ứng cử viên nào;
- Phiếu bầu cử bị rách, gạch, tẩy, xóa, sửa chữa, ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu, ghi thêm tên người khác vào danh sách;
- Số lượng phiếu bầu cho ứng viên ghi bằng % hoặc tỷ lệ hoặc hệ số hoặc số thập phân...;
- Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và Ban kiểm phiếu bắt đầu quá trình kiểm phiếu.

2. Trường hợp xem là không tham gia bầu cử:

Các cổ đông có tham dự Đại hội mà không bỏ phiếu bầu cử thì được xem như không có mặt tại Đại hội.

Điều 7: Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Ban Kiểm phiếu: gồm 09 người trong đó có 01 Trưởng Ban, do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được lựa chọn, biểu quyết thông qua tại Đại hội.

Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử/ứng cử bổ sung thành viên BKS.

Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Phổ biến Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử bổ sung thành viên BKS Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II.
- Hướng dẫn các cổ đông thực hiện bầu bổ sung thành viên BKS theo quy định tại Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử bổ sung thành viên BKS Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II.

- Chuẩn bị thùng phiếu, tiến hành thu phiếu, giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu và báo cáo kết quả bầu cử bổ sung thành viên BKS trước Đại hội.
- Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Ban thư ký.
- Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo đề Đại hội quyết định.
- Thực hiện các nhiệm vụ được giao khác.

b. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu với sự chứng kiến của các cổ đông;
- Các cổ đông công khai bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu;
- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ khi có thông báo của Chủ tọa Đại hội hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi không còn cổ đông nào bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được thể hiện trong Biên bản kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8: Nguyên tắc trúng cử:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu cao nhất thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau để chọn.
- Trong trường hợp, sau thời gian quy định nhận hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử của cổ đông Công ty chỉ nhận được 01 hồ sơ tham gia ứng cử/đề cử BKS thì nguyên tắc trúng cử sẽ là *“Người trúng cử phải có số phiếu bầu đạt tỷ lệ ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại*

diện được ủy quyền có mặt tại đại hội đồng cổ đông.”

- Kết quả bầu cử được tính trên tổng số phiếu thu vào và được hiểu rằng tại thời điểm bỏ phiếu không có sự hiện diện của cổ đông đã ra về trước thời điểm bầu cử.

Điều 9: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.
- Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm:
 - + Tổng số phiếu bầu hợp lệ, tổng số phiếu bầu không hợp lệ;
 - + Số phiếu bầu và tỉ lệ % phiếu bầu của từng ứng cử viên bổ sung vào BKS trên tổng số phiếu bầu tương ứng với số phiếu bầu cử thu về.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10: Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu: sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội. Mọi khiếu nại phát sinh sau Đại hội sẽ không được xem xét giải quyết.

Điều 11: Hiệu lực thi hành:

- Quy chế này được đọc công khai trước Đại hội, lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử, có hiệu lực sau khi được Đại hội thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên BKS Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II.

- Nếu được Đại hội thông qua với tỷ lệ từ 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên, Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả cổ đông. TU



Lê Thị Mỹ Hạnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THƯ XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

**Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn**

Cổ đông (cá nhân/tổ chức):

Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNĐKDN: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số cổ phần hiện đang nắm giữ:

Xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn bằng cách đánh dấu (X) vào một trong các dưới đây:

1. Tôi/chúng tôi xác nhận trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn vào lúc 08 giờ 00 thứ năm ngày 25 tháng 04 năm 2024 tại số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

2. Tôi/chúng tôi đồng ý ủy quyền cho người khác tham dự và/hoặc biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn vào lúc 08 giờ 00 thứ năm ngày 25 tháng 04 năm 2024 tại số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Trường hợp vì bất cứ lý do gì tôi/chúng tôi không thể trực tiếp tham dự hoặc không thể ủy quyền cho người khác theo đúng thời gian quy định của Ban tổ chức theo Thông báo mời họp thì tôi/chúng tôi đồng ý và đề nghị Quý công ty vẫn tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo thời gian và chương trình đã xác định. Tôi/chúng tôi đồng ý tuân thủ tất cả các Nghị quyết của Đại hội ban hành.

Tôi/chúng tôi sẽ gửi thư xác nhận tham dự này và các hồ sơ khác (nếu có) theo đúng thời gian quy định của Thông báo họp.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2024

CỔ ĐÔNG

(Ký xác nhận và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân), Chữ ký của người đại diện theo pháp luật, ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (“BKS”) NHIỆM KỲ II

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Tôi tên là:

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Số cổ phần sở hữu tại thời điểm ứng cử:.....cổ phần,
tương ứng với.....% tổng số cổ phần của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi tự ứng cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn được tổ chức vào ngày 25/4/2024.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện/tiêu chuẩn để ứng cử vào vị trí thành viên BKS theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ II Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên BKS nhiệm kỳ II, tôi sẽ đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

Trân trọng cảm ơn.

....., ngàytháng ... năm 2024

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

.....

Hồ sơ ứng cử viên kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên (theo mẫu).
- Bản sao chứng thực CMND/Căn cước công dân/ Hộ chiếu còn hiệu lực của ứng cử viên.
- Giấy chứng nhận số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của công ty chứng khoán nơi cổ đông đó mở tài khoản hoặc của tổ chức phát hành.
- Bản sao chứng thực các bằng cấp chứng nhận về trình độ học vấn và trình độ chuyên môn của ứng cử viên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (“BKS”) NHIỆM KỲ II
(Áp dụng cho 01 cổ đông)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Tên cổ đông:

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp¹:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Họ và tên người đại diện theo pháp luật đối với cổ đông là tổ chức:.....

.....

Số cổ phần sở hữu tại thời điểm đề cử:.....cổ phần, tương ứng với.....% tổng số cổ phần của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi đề cử:

1. Ông (Bà):.....

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:

2. Ông (Bà):.....

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu:

¹ Nếu cổ đông là pháp nhân thì ghi số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (“BKS”) của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn được tổ chức vào ngày 25/4/2024.

Tôi cam đoan Ông/Bà.....
có đủ điều kiện/tiêu chuẩn để ứng cử vào vị trí thành viên BKS theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ II Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

Trân trọng cảm ơn.

....., ngàytháng ... năm 2024

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))²

.....

Hồ sơ ứng cử viên kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên (theo mẫu).
- Bản sao chứng thực CMND/Căn cước công dân/ Hộ chiếu còn hiệu lực của ứng cử viên.
- Giấy chứng nhận số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của công ty chứng khoán nơi cổ đông đó mở tài khoản hoặc của tổ chức phát hành.
- Bản sao chứng thực các bằng cấp chứng nhận về trình độ học vấn và trình độ chuyên môn của ứng cử viên.
- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử).

² Nếu cổ đông là pháp nhân thì người đại diện pháp luật ký tên, đóng dấu (không được ủy quyền hoặc ký thay).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (“BKS”) NHIỆM KỲ II
(Áp dụng cho nhóm cổ đông)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn

Chúng tôi là nhóm cổ đông (*danh sách nhóm cổ đông đính kèm*) của Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chúng tôi đề cử:

1. Ông (Bà):.....

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:

2. Ông (Bà):.....

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (“BKS”) của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn được tổ chức vào ngày 25/4/2024.

Chúng tôi cam đoan Ông/Bà.....

có đủ điều kiện/tiêu chuẩn để ứng cử vào vị trí thành viên BKS theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ II Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

Trân trọng cảm ơn.

....., ngàytháng năm 2024

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

.....

Hồ sơ ứng cử viên kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên (theo mẫu).
- Bản sao chứng thực CMND/Thẻ căn cước/ Hộ chiếu còn hiệu lực của ứng cử viên.
- Giấy chứng nhận số cổ phần mà nhóm cổ đông sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của công ty chứng khoán nơi nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của tổ chức phát hành.
- Danh sách nhóm cổ đông (theo mẫu).
- Bản sao chứng thực các bằng cấp chứng nhận về trình độ học vấn và trình độ chuyên môn của ứng cử viên.
- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử).

**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG THAM GIA ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
NHIỆM KỲ II**

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD, ngày cấp và nơi cấp	Địa chỉ	Tổng số cổ phần sở hữu	Chữ ký cổ đông (nếu là cá nhân)/chữ ký, đóng dấu (nếu là tổ chức)
1		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
2		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
3		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
4		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
5		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
6		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
7		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD, ngày cấp và nơi cấp	Địa chỉ	Tổng số cổ phần sở hữu	Chữ ký cổ đông (nếu là cá nhân)/chữ ký, đóng dấu (nếu là tổ chức)
8		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
9		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
10		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
11		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
12		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
13		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
14		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			
15		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:			

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD, ngày cấp và nơi cấp	Địa chỉ	Tổng số cổ phần sở hữu	Chữ ký cổ đông (nếu là cá nhân)/chữ ký, đóng dấu (nếu là tổ chức)
.....					
Tổng					

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

V/v Tham dự Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2024
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

1. NGƯỜI ỦY QUYỀN

Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức):

Số Chứng minh nhân dân (“CMND”)/Thẻ căn cước công dân (“CCCD”)/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (“GCNĐKDN”):

Ngày cấp: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:

Địa chỉ thường trú/Trụ sở chính:

Hiện đang sở hữu số cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn là:
cổ phần.

2. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

2.1. Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNĐKDN:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ¹:

Hoặc:

2.2. Cổ đông có thể ủy quyền cho **một** trong các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty theo danh sách sau: (Đánh dấu X vào ô của người được chọn để ủy quyền)

UQ	TT	Họ và Tên	Số CMND	Ngày cấp	Chức vụ
<input type="checkbox"/>	1.	Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	079177014898	07/04/2021	Chủ tịch HĐQT
<input type="checkbox"/>	2.	Ông Phạm Hoàng Hiệp	034078027621	10/07/2021	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty
<input type="checkbox"/>	3.	Ông Trần Ngọc Dân	022761994	26/3/2013	Thành viên HĐQT
<input type="checkbox"/>	4.	Ông Nguyễn Hồ Minh	075067000227	11/07/2019	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty
<input type="checkbox"/>	5.	Ông Nguyễn Tuấn Việt	084064000522	12/04/2021	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty
<input type="checkbox"/>	6.	Ông Trần Lâm	023598929	17/8/2011	Thành viên HĐQT
<input type="checkbox"/>	7.	Ông Trần Long	079089019889	03/09/2020	Thành viên HĐQT

¹ Chỉ điền vào mục này nếu bên được ủy quyền là tổ chức

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên ủy quyền ủy quyền cho Bên được ủy quyền thực hiện (Đánh dấu X vào các ô tương ứng):

- Số lượng cổ phần được ủy quyền:

Toàn bộ: cổ phần

Một phần²: cổ phần

- Phạm vi ủy quyền:

Tham dự ĐHĐCĐ

Tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Bên được ủy quyền chỉ được thực hiện những công việc trong phạm vi được ủy quyền theo Giấy ủy quyền này và không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào.

Tôi/Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung ủy quyền và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân),
Chữ ký của người đại diện theo pháp luật,
ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân),
Chữ ký của người đại diện theo pháp luật, ghi
rõ họ tên, đóng dấu (đối với tổ chức))

Lưu ý:

- Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

- Bản sao chứng thực Giấy ủy quyền xin vui lòng gửi cho Ban tổ chức Đại hội theo địa chỉ trên thông báo mời họp trước 16h00 ngày 22/4/2024.

- **Khi tham dự ĐHĐCĐ, bên được ủy quyền phải:**

+ Mang theo Thư mời họp;

+ Cung cấp bản chính Giấy ủy quyền này; và

+ Đối với bên được ủy quyền là cá nhân:

• Cung cấp bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu của bên được ủy quyền;

• Xuất trình bản gốc CMND/CCCD/Hộ chiếu của bên được ủy quyền để thực hiện thủ tục

đăng ký tham dự.

+ Đối với bên được ủy quyền là tổ chức:

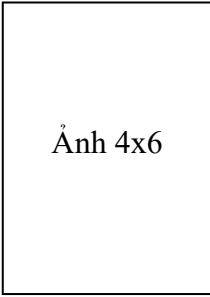
• Văn bản ủy quyền của tổ chức cho người đại diện của tổ chức đó tham dự ĐHĐCĐ, nếu người đó không phải là người đại diện theo pháp luật;

• Xuất trình bản gốc CMND/CCCD/Hộ chiếu của bên được ủy quyền để thực hiện thủ tục

đăng ký tham dự.

² Cung cấp số lượng cổ phần được ủy quyền

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



....., ngày tháng 4 năm 2024

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng để tham gia làm ứng cử viên thành viên BKS
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II)

- Họ và tên:
- Giới tính: Nam Nữ
- Ngày sinh:
- Quốc tịch:
- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: Nơi cấp:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại liên lạc:
- Trình độ văn hoá:
- Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo

10. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm	Đơn vị công tác	Chức vụ

11. Số lượng cổ phiếu nắm giữ:cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu do cá nhân trực tiếp sở hữu: cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu do được đại diện phần vốn góp: cổ phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

I. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG:

Mã số tham dự:

Họ và tên cổ đông/Đại diện được ủy quyền:

Địa chỉ thường trú:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNĐKDN:

Ngày cấp:

Số phiếu biểu quyết ⁽¹⁾:

⁽¹⁾: 01 cổ phần = 01 phiếu biểu quyết

Hướng dẫn: cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong ba ý kiến: Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.

II. CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

Stt	Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của HĐQT Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2024 của BKS Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Thông qua Mức cổ tức năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Thông qua Quỹ thù lao của HĐQT, BKS thực hiện năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Thông qua Mức cổ tức dự kiến năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Thông qua Kế hoạch quỹ thù lao của HĐQT và BKS Công ty năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Thông qua Tờ trình của BKS Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Thông qua Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026) đối với bà Vũ Thị Hồng Cẩm.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12	Thông qua Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026) đối với bà Trần Thị Ngọc Dung.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13	Thông qua Bầu cử thành viên BKS Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026) thay bà Vũ Thị Hồng Cẩm và bà Trần Thị Ngọc Dung.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14	Thông qua Danh sách ứng viên thành viên BKS Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026) thay bà Vũ Thị Hồng Cẩm và bà Trần Thị Ngọc Dung.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Tp. HCM, ngày 25 tháng 4 năm 2024
CỔ ĐỒNG/ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi đầy đủ họ và tên)

Ghi chú: Thẻ biểu quyết này chỉ có giá trị trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn, dùng cho việc biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội.

Số: /NQ-ĐHĐCĐ/2024

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn;
- Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn ngày 25/4/2024.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (“ĐHĐCĐ”) tổ chức ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau đây:

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của HĐQT Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Điều 2. Thông qua Tờ trình của HĐQT về các nội dung biểu quyết tại Đại hội như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

2. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	TH năm 2022 (Trđ)	Năm 2023			
			Kế hoạch ¹ (Trđ)	Thực hiện ² (Trđ)	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
1.	Tổng doanh thu	491.194	571.821	523.271	92%	107%

¹ Theo Nghị quyết số 235/NQ-ĐHĐCĐ/2023 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

² Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023 bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Stt	Chỉ tiêu	TH năm 2022 (Trđ)	Năm 2023			
			Kế hoạch ¹ (Trđ)	Thực hiện ² (Trđ)	% so kế hoạch	% so cùng kỳ
2.	Tổng chi phí	476.179	550.000	488.250	89%	103%
3.	Lợi nhuận trước thuế	15.015	21.821	35.021	160%	233%

3. Thông qua mức cổ tức năm 2023: Công ty không thực hiện chia cổ tức do bù lỗ của các năm trước.

4. Thông qua Quỹ thù lao của HĐQT, BKS thực hiện năm 2023:

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức thù lao/tháng (Triệu đồng)	Quỹ thù lao thực hiện năm 2023 (Triệu đồng)
Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	1	8	96
2	Thành viên	6	6	432
Ban kiểm soát				
1	Trưởng BKS	1	25	300
2	Thành viên BKS	2	5	120
Tổng cộng		10		948

5. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024 (Triệu đồng)
1	Tổng doanh thu	624.309
2	Tổng chi phí. Trong đó:	585.074
	- Quỹ lương người lao động	196.299
	- Quỹ lương của Ban điều hành	3.800
3	Lợi nhuận trước thuế	39.235

Ghi chú: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 sẽ có sự điều chỉnh khi Công ty trúng thầu các tuyến buýt và phát sinh chi phí tiền thuê đất cho giai đoạn từ năm 2016 khi các khu đất của Công ty được thẩm định giá thuê đất. Ngoài ra, rủi ro lạm phát gia tăng, cơ chế, chính sách trợ giá xe buýt, áp lực biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào... cũng là yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

6. Thông qua mức cổ tức dự kiến năm 2024: Công ty không chia cổ tức của năm 2024 do bù lỗ của các năm trước.

7. Thông qua kế hoạch quỹ thù lao của HĐQT và BKS Công ty năm 2024:

- Quỹ thù lao của HĐQT: 528 triệu đồng, trong đó:
 - + Chủ tịch (01 người): 96 triệu đồng/năm
 - + Thành viên (06 người): 432 triệu đồng/năm
- Quỹ thù lao của BKS: 420 triệu đồng, trong đó:

- + Trưởng BKS (01 người): 300 triệu đồng/năm
- + Thành viên BKS (02 người): 120 triệu đồng/năm

- Quỹ thù lao bổ sung cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Bổ sung thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nếu Công ty đạt hoặc vượt mức lợi nhuận kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quỹ thù lao bổ sung được ghi nhận vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024. Mức bổ sung là 01% lợi nhuận đạt kế hoạch và 05% phần lợi nhuận vượt kế hoạch. Giao Hội đồng quản trị Công ty quyết định hệ số phân phối Quỹ thù lao bổ sung giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2024 của BKS Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Điều 4. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của BKS Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Điều 5. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026) đối với bà Vũ Thị Hồng Cẩm và bà Trần Thị Ngọc Dung.

Điều 6. Thông qua việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026) thay thế bà Vũ Thị Hồng Cẩm và bà Trần Thị Ngọc Dung:

Thông qua danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026) thay thế bà Vũ Thị Hồng Cẩm và bà Trần Thị Ngọc Dung:

- (1) Bà Trần Kim Tuyền
- (2) Bà Nguyễn Thị Tố Như

Thông qua kết quả bầu cử thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn nhiệm kỳ II (2021 – 2026): ông/bà có tên sau đây đã trúng cử vào thành viên Ban kiểm soát:

- (1) Ông/Bà.....
- (2) Ông/Bà.....

Điều 7. ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn giao cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội. Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết này.

Điều 8. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty, các đơn vị trực thuộc và toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này gồm (...) trang được lập và thông qua toàn văn tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn với tỷ lệ tán thành% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố biên bản, Nghị quyết, tài liệu của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và đăng tải trên website của Công ty (www.saigonbus.com.vn) theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như điều 8;
- UBCKNN (để báo cáo);
- Sở GD&ĐT HN (để CBTT);
- Lưu: VT, Ban Thư ký ĐHĐCĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
CHỦ TỌA**

LÊ THỊ MỸ HẠNH